

# Khóa luận tốt nghiệp

**HOÀN THIỆN KẾ TOÁN THUẾ  
TẠI CÔNG TY TNHH CÔNG  
NGHỆ TIN HỌC MINH KHÔI**

# LỜI MỞ ĐẦU



## ➤ Lý do chọn đề tài

Thuế ra đời, tồn tại và phát triển cùng với sự hình thành và phát triển của Nhà nước là một vấn đề hết sức quan trọng đối với bất cứ quốc gia nào trên thế giới, từ những nước phát triển đến các nước đang phát triển.

Ở nước ta, Luật thuế GTGT và Luật thuế TNDN được thông qua tại kỳ họp thứ 11 Quốc hội khoá IX ngày 10/05/1997 và chính thức áp dụng từ 01/01/1999 thay cho Luật thuế doanh thu, thuế lợi tức trước đây. Thuế GTGT, thuế TNDN ra đời từ rất lâu và áp dụng rộng rãi trên thế giới. Nhưng đối với nước ta đây là sắc thuế mới, còn non trẻ so với sự vận động của cơ chế kinh tế hiện nay ở nước ta. Trong những năm qua, Nhà nước ta đã không ngừng sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện hai sắc thuế này. Việc sửa đổi các chính sách thuế có tác động rất lớn đến các doanh nghiệp.

Là một công ty thương mại, hoạt động mua bán diễn ra nhiều, trong những năm vừa qua, hoạt động kinh doanh của công ty TNHH Công nghệ Tin Học Minh Khôi luôn đạt hiệu quả cao. Đó là nhờ sự nỗ lực không ngừng của ban lãnh đạo cùng các nhân viên trong công ty. Bên cạnh đó là do công tác kế toán của công ty đều tuân thủ theo đúng những quy định của Bộ tài chính, đặc biệt là trong kế toán về thuế nói chung và thuế GTGT, thuế TNDN nói riêng, khi có bất kỳ một sự sửa đổi nào về luật thuế GTGT hay luật thuế TNDN, công ty đều thực hiện đúng theo các Thông tư hướng dẫn và làm theo những hướng dẫn mới nhất của cơ quan thuế. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm đạt được, công tác kế toán thuế của công ty vẫn còn một số hạn chế như cách sắp xếp bộ máy kế toán, việc tổ chức, sử dụng chứng từ, sổ sách và việc quản lý sử dụng chi phí hợp lý, cần phải khắc phục để công tác kế toán của công ty ngày càng hoàn thiện, đồng thời giúp cho việc thực hiện nghĩa vụ đối với Ngân sách nhà nước của công ty được tốt hơn.

Nhận thức được tầm quan trọng đó, sau quá trình thực tập tại công ty TNHH Công Nghệ Tin Học Minh Khôi, được tìm hiểu thực tiễn công tác kế toán tại công ty, đi sâu nghiên cứu công tác kế toán thuế mà cụ thể là thuế GTGT và thuế TNDN, kết hợp với những kiến thức đã học tại trường và được sự hướng dẫn tận tình của

Cô giáo Đặng Thị Diệu Huyền, em đã chọn đề tài "**Hoàn thiện kế toán thuế tại công ty TNHH Công Nghệ Tin Học Minh Khôi**" cho khóa luận tốt nghiệp của mình.

➤ **Mục đích nghiên cứu đề tài**

Phân tích việc thực hiện kế toán thuế TNDN và thuế GTGT trước và sau khi có chuẩn mực kế toán thuế TNDN và thuế GTGT tại các doanh nghiệp Việt Nam để tìm ra những khó khăn khi áp dụng chuẩn mực.

Khảo sát tình hình thực tế áp dụng chuẩn mực kế toán thuế TNDN và thuế GTGT để đưa ra phương hướng hoàn thiện chuẩn mực.

Đưa ra các kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế GTGT tại Việt Nam.

**3. Phương pháp nghiên cứu đề tài**

Sử dụng các phương pháp nghiên cứu điều tra, chọn mẫu, phỏng vấn, phân tích, tổng hợp, so sánh.

Tài liệu tham khảo: Văn bản, chính sách nhà nước về thuế và kế toán thuế TNDN và thuế GTGT như: luật, nghị định, thông tư, các bài báo, trang web có liên quan đến việc bàn thảo về thuế và kế toán thuế TNDN và thuế GTGT.

**4. Phạm vi nghiên cứu đề tài**

Phạm vi nghiên cứu của luận văn được giới hạn trong phạm vi liên quan đến công tác kế toán thuế TNDN và thuế GTGT tại Việt Nam. Ngoài ra, đề tài còn giới hạn không đề cập đến thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết, các khoản góp vốn liên doanh và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát trên báo cáo hợp nhất của bên góp vốn liên doanh.

Nguồn dữ liệu chủ yếu lấy từ các doanh nghiệp tại Thành Phố Hồ Chí Minh.

**5. Kết cấu các chương của đề tài gồm 3 chương:**

**Chương 1: Cơ sở lý luận về thuế, kế toán thuế GTGT và thuế TNDN**

**Chương 2: Thực trạng kế toán thuế tại công ty TNHH Công Nghệ Tin Học Minh Khôi.**

**Chương 3: Nhận xét và kiến nghị**

## **CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THUẾ, KẾ TOÁN THUẾ GTGT VÀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

### **1.1. Những vấn đề cơ bản về thuế**

Thuế gắn liền với sự tồn tại, phát triển của Nhà nước và là một công cụ quan trọng mà bất kỳ quốc gia nào cũng sử dụng để thực thi chức năng, nhiệm vụ của mình. Với sự phát triển không ngừng chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước và sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế hàng hoá - tiền tệ, thuế ngày càng mang một ý nghĩa quan trọng, cũng phát triển phong phú, đa dạng hơn.

#### **1.1.1. Khái niệm**

Thuế là hình thức đóng góp theo nghĩa vụ do Luật quy định các tổ chức và cá nhân trong xã hội nộp cho Nhà nước bằng một phần thu nhập của mình, nhằm tập trung một bộ phận quyền lực, của cải xã hội vào Ngân sách Nhà nước, để đáp ứng nhu cầu chi tiêu của Nhà nước thích ứng với từng giai đoạn phát triển của đời sống kinh tế xã hội .

#### **1.1.2. Đặc điểm của thuế**

- Thứ nhất, thuế là một khoản thu không bồi hoàn, không mang tính hoàn trả trực tiếp. Nộp thuế cho Nhà nước không có nghĩa là cho Nhà nước mượn tiền hay gửi tiền vào Ngân sách nhà nước hoặc là mua một dịch vụ công. Nộp thuế là một nghĩa vụ cơ bản nhất của công dân.

- Thứ hai, thuế là một khoản thu mang tính bắt buộc, để đảm bảo tập trung thuế trên phạm vi toàn xã hội. Chính phủ phải sử dụng hệ thống pháp luật để ban hành các sắc thuế, vì vậy thuế thường được quy định dưới dạng văn bản luật hay pháp lệnh. Cho nên, trốn thuế hay gian lận thuế đều bị coi là những hành vi phạm pháp và phải chịu xử phạt về hành chính hoặc hình sự.

- Thứ ba, các pháp nhân và thể nhân chỉ phải nộp cho Nhà nước các khoản thuế đã được pháp luật quy định.

#### **1.1.3. Vai trò của thuế đối với nền kinh tế quốc dân**

- Là công cụ chủ yếu huy động nguồn lực vật chất cho Nhà nước.
- Là công cụ điều hòa thu nhập, thực hiện công bằng xã hội trong phân phối.
- Là công cụ thực hiện kiểm tra, kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh.

**1.2 .Thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp****1.2.1 .Thuế giá trị gia tăng****1.2.1.1. Khái niệm**

- Giá trị gia tăng (GTGT): là phần giá trị chênh lệch giữa giá trị hàng hóa bán ra và giá trị của những thứ dùng để làm ra hàng hóa đó.

$$\text{Giá trị gia tăng} = \text{Giá đầu ra} - \text{Giá đầu vào}$$

- Thuế GTGT: là loại thuế gián thu tính trên khoản giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ khâu sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng [4].

Thuế GTGT tính trên giá bán chưa có thuế GTGT. Người sản xuất, cung ứng hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm thu và nộp hộ người tiêu dùng. Người tiêu dùng mua sản phẩm với giá đã có thuế GTGT, vì vậy người tiêu dùng chính là người chịu khoản thuế này.

**1.2.1.2. Đối tượng chịu thuế, đối tượng nộp thuế GTGT****a. Đối tượng chịu thuế GTGT**

Luật thuế GTGT quy định tất cả các hàng hoá, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam là đối tượng chịu thuế GTGT trừ các đối tượng quy định tại điều 5 của Luật này.

**\* Đối tượng không chịu thuế GTGT**

Bao gồm 25 nhóm mặt hàng, dịch vụ được quy định tại điều 5 của Luật thuế GTGT. Các đối tượng này thường là:

- Những sản phẩm thuộc hoạt động kinh doanh trong nông nghiệp, những hoạt động kinh doanh được Nhà Nước khuyến khích đầu tư.

- Các dịch vụ không mang tính chất kinh doanh vì lợi nhuận như dịch vụ công cộng, dịch vụ y tế, giáo dục - đào tạo, văn hoá, thể thao, giải trí truyền hình...

- Hàng nhập khẩu trong các trường hợp viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại; quà biếu tặng cho tổ chức cá nhân Việt Nam, chuyển giao công nghệ ....

**b. Đối tượng nộp thuế GTGT**

Người nộp thuế giá trị gia tăng là tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT ở Việt Nam, không phân biệt ngành nghề, hình thức,

tổ chức kinh doanh và tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa, mua dịch vụ từ nước ngoài chịu thuế GTGT.

### **1.2.1.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế GTGT**

#### **a. Căn cứ tính thuế GTGT**

Căn cứ tính thuế giá trị gia tăng là giá tính thuế và thuế suất.

\* *Thuế suất*: Hiện nay, có 3 mức thuế suất thuế GTGT, đó là mức thuế suất 0%, 5% và 10%.

+ Thuế suất 0%: Áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu; hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình của doanh nghiệp chế xuất; hàng bán cho cửa hàng bán hàng miễn thuế; vận tải quốc tế; hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT khi xuất khẩu, trừ các trường hợp chuyển giao công nghệ, chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ ra nước ngoài; dịch vụ tái bảo hiểm ra nước ngoài; dịch vụ cấp tín dụng, chuyển nhượng vốn, dịch vụ tài chính phái sinh; dịch vụ bưu chính, viễn thông; sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa qua chế biến.

+ Thuế suất 5%: Áp dụng đối với các hàng hóa, dịch vụ thiết yếu đối với đời sống như lương thực, nước, thuốc chữa bệnh, sách báo, phân bón...

+ Thuế suất 10%: Mức thuế suất 10% áp dụng cho tất cả các hàng hóa, dịch vụ thông thường và các hàng hóa, dịch vụ không thiết yếu, không nằm trong diện chịu các mức thuế suất 0% hoặc 5%.

\* *Giá tính thuế*: Giá tính thuế của các hàng hóa, dịch vụ được xác định cụ thể như sau:

(1) Đối với hàng hóa, dịch vụ do cơ sở sản xuất, kinh doanh bán ra là giá bán chưa có thuế GTGT. Đối với hàng hóa, dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt là giá bán đã có thuế tiêu thụ đặc biệt nhưng chưa có thuế GTGT.

(2) Đối với hàng hóa nhập khẩu là giá nhập tại cửa khẩu cộng với thuế nhập khẩu (nếu có), cộng với thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có). Giá nhập tại cửa khẩu được xác định theo quy định về giá tính thuế hàng nhập khẩu.

(3) Đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng cho là giá tính thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động này.

(4) Đối với hoạt động cho thuê tài sản là số tiền cho thuê chưa có thuế GTGT.

Trường hợp cho thuê theo hình thức trả tiền thuê từng kỳ hoặc trả trước tiền thuê cho một thời hạn thuê thì giá tính thuế là tiền cho thuê trả từng kỳ hoặc trả trước cho thời hạn thuê chưa có thuế GTGT.

Trường hợp thuê máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải của nước ngoài loại trong nước chưa sản xuất được để cho thuê lại, giá tính thuế được trừ giá thuê phải trả cho nước ngoài.

(5) Đối với hàng hóa bán theo phương thức trả góp, trả chậm là giá tính theo giá bán trả một lần chưa có thuế GTGT của hàng hóa đó, không bao gồm khoản lãi trả góp, trả chậm.

(6) Đối với gia công hàng hóa là giá gia công chưa có thuế GTGT

(7) Đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt là giá trị công trình, hạng mục công trình hay phần công việc thực hiện bàn giao chưa có thuế GTGT.

Trường hợp xây dựng, lắp đặt có bao thầu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị thì giá tính thuế là giá trị xây dựng, lắp đặt bao gồm cả giá trị nguyên vật liệu và máy móc, thiết bị.

Trường hợp xây dựng, lắp đặt không bao thầu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị thì giá tính thuế là giá trị xây dựng, lắp đặt không bao gồm giá trị nguyên vật liệu và máy móc, thiết bị.

(8) Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản là giá bán bất động sản chưa có thuế GTGT, trừ giá chuyển quyền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất phải nộp ngân sách nhà nước.

(9) Đối với hoạt động đại lý, môi giới mua bán hàng hoá và dịch vụ hưởng hoa hồng là tiền hoa hồng thu được từ các hoạt động này chưa có thuế GTGT.

(10) Đối với hàng hoá, dịch vụ được sử dụng chứng từ thanh toán ghi giá thanh toán là giá đã có thuế GTGT thì giá tính thuế được xác định theo công thức sau:

$$\text{Giá chưa có thuế GTGT} = \frac{\text{Giá thanh toán}}{1 + \text{thuế suất của hàng hóa, dịch vụ đó (\%)}}$$

(11) Đối với điện của các nhà máy thủy điện hạch toán phụ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, giá tính thuế GTGT để xác định số thuế GTGT nộp tại địa phương nơi có nhà máy được tính bằng 60% giá bán điện thương phẩm bình quân năm trước chưa bao gồm thuế GTGT.

(12) Đối với dịch vụ casino, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh giải trí có đặt cược, là số tiền thu từ hoạt động này đã bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt trừ số tiền đã trả thưởng cho khách.

Giá tính thuế được tính theo công thức sau:

$$\text{Giá tính thuế} = \frac{\text{Số tiền thu được}}{1 + \text{Thuế suất}}$$

(13) Đối với vận tải, bốc xếp là giá cước vận tải, bốc xếp chưa có thuế GTGT, không phân biệt cơ sở trực tiếp vận tải, bốc xếp hay thuê lại.

(14) Đối với dịch vụ du lịch theo hình thức lữ hành, hợp đồng ký với khách hàng theo giá trọn gói (ăn, ở, đi lại) thì giá trọn gói được xác định là giá đã có thuế GTGT.

(15) Đối với dịch vụ cầm đồ, giá tính thuế là tiền phải thu từ dịch vụ này bao gồm tiền lãi phải thu từ cho vay cầm đồ, và khoản thu khác phát sinh từ việc bán hàng cầm đồ (nếu có).

(16) Đối với sách chịu thuế GTGT bán theo đúng giá phát hành (giá bìa) theo quy định của Luật xuất bản, thì giá bán đó được xác định là giá đã có thuế GTGT. Các trường hợp bán không theo giá bìa thì thuế GTGT tính trên giá bán ra.

(17) Đối với hoạt động in, giá tính thuế là tiền công in. Trường hợp cơ sở in thực hiện các hợp đồng in, giá thanh toán bao gồm cả tiền công in và giấy in thì giá tính thuế bao gồm cả tiền giấy.

(18) Đối với dịch vụ đại lý giám định, đại lý xét bồi thường 100% hưởng tiền công hoặc tiền hoa hồng thì giá tính thuế GTGT là tiền công hoặc tiền hoa hồng được hưởng (chưa trừ một khoản phí tổn nào) mà doanh nghiệp bảo hiểm thu được, chưa có thuế GTGT.

Giá tính thuế được xác định bằng đồng Việt Nam. Trường hợp người nộp thuế có doanh thu bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao



dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh doanh thu để xác định giá tính thuế.

*\* Thời điểm xác định thuế GTGT:*

- Đối với hàng hoá là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hoá cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

- Đối với dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc thời điểm lập hoá đơn cung ứng dịch vụ, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

- Đối với hoạt động cung cấp điện, nước sạch là ngày ghi chỉ số điện, nước tiêu thụ trên đồng hồ để ghi trên hóa đơn tính tiền.

- Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà để bán, chuyển nhượng hoặc cho thuê, là thời điểm thu tiền theo tiến độ thực hiện dự án hoặc tiến độ thu tiền ghi trong hợp đồng.

- Đối với xây dựng, lắp đặt là thời điểm nghiệm thu, bàn giao công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

- Đối với hàng hóa nhập khẩu là thời điểm đăng ký tờ khai hải quan.

### **b. Phương pháp tính thuế GTGT**

#### *(1) Phương pháp khấu trừ thuế*

- Đối tượng áp dụng: Phương pháp khấu trừ thuế áp dụng đối với cơ sở kinh doanh thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hoá đơn, chứng từ và đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế, trừ các đối tượng áp dụng tính thuế theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT.

- Công thức tính:

$$\begin{array}{rcc} \text{Số thuế GTGT} & & \text{Số thuế GTGT} & & \text{Số thuế GTGT đầu} \\ \text{phải nộp} & = & \text{đầu ra} & - & \text{vào được khấu trừ} \end{array}$$

Trong đó:

- Thuế GTGT đầu ra bằng tổng số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra ghi trên hóa đơn GTGT.

$$\begin{array}{l} \text{Thuế GTGT ghi} \\ \text{trên hóa đơn} \\ \text{GTGT} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá tính thuế của} \\ \text{hàng hóa, dịch vụ} \\ \text{chịu thuế bán ra} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Thuế suất thuế} \\ \text{GTGT của hàng} \\ \text{hóa, dịch vụ đó} \end{array}$$

- Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ bằng tổng số tiền ghi trên hóa đơn GTGT của hàng hóa, dịch vụ (bao gồm cả tài sản cố định) dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT của doanh nghiệp, số thuế GTGT ghi trên chứng từ của hàng hoá nhập khẩu hoặc chứng từ nộp thay cho phía nước ngoài.

Việc xác định thuế GTGT đầu vào được khấu trừ phải tuân theo quy định của Luật thuế GTGT.

*(2) Phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng*

- Đối tượng áp dụng:

+ Cá nhân, hộ kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

+ Tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh không theo Luật Đầu tư và các tổ chức khác không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

+ Hoạt động kinh doanh mua bán, vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ.

- Công thức tính:

$$\begin{array}{l} \text{Số thuế GTGT} \\ \text{phải nộp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{GTGT của hàng hóa,} \\ \text{dịch vụ chịu thuế bán ra} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Thuế suất thuế GTGT của} \\ \text{hàng hóa, dịch vụ đó} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{l} \text{GTGT của hàng} \\ \text{hóa, dịch vụ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thanh toán của hàng} \\ \text{hóa, dịch vụ bán ra} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá thanh toán của hàng hóa,} \\ \text{dịch vụ mua vào tương ứng} \end{array}$$

Giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ bán ra là giá thực tế bán ghi trên hoá đơn bán hàng hoá, dịch vụ, bao gồm cả thuế GTGT và các khoản phụ thu, phí thu thêm mà bên bán được hưởng, không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu được tiền.

Giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ mua vào được xác định bằng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào hoặc nhập khẩu, đã có thuế GTGT dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT bán ra tương ứng.

*\* Phương pháp xác định GTGT của hàng hóa, dịch vụ làm căn cứ tính thuế GTGT phải nộp đối với từng cơ sở kinh doanh như sau:*

(1) Đối với cơ sở kinh doanh bán hàng hoá, dịch vụ có đầy đủ hoá đơn của hàng hoá, dịch vụ bán ra theo chế độ quy định hoặc có đủ điều kiện xác định được đúng doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ như hợp đồng và chứng từ thanh toán nhưng không có đủ hoá đơn mua hàng hóa, dịch vụ đầu vào thì GTGT được xác định bằng doanh thu nhân (x) với tỷ lệ (%) GTGT tính trên doanh thu.

Tỷ lệ (%) giá trị gia tăng tính trên doanh thu làm căn cứ xác định giá trị gia tăng được quy định như sau:

- Thương mại (phân phối, cung cấp hàng hoá): 10%.
- Dịch vụ, xây dựng (trừ xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu): 50%.
- Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hoá, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: 30%.

(2) Hoạt động kinh doanh, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật thì nộp thuế theo tỷ lệ (%) GTGT do Bộ Tài chính quy định.

#### **1.2.1.4. *Kê khai, nộp thuế, hoàn thuế***

##### **a. *Kê khai thuế***

Các cơ sở kinh doanh hàng hoá dịch vụ chịu thuế GTGT phải có trách nhiệm lập và gửi cho cơ quan thuế tờ khai tính thuế GTGT từng tháng kèm theo bảng kê hàng hoá dịch vụ mua vào, bán ra theo mẫu qui định. Thời gian nộp tờ khai thuế cho cơ quan thuế chậm nhất là ngày 20 của đầu tháng tiếp theo. Trong trường hợp không phát sinh thuế đầu vào, đầu ra thì cơ sở kinh doanh vẫn phải kê khai và nộp tờ khai cho cơ quan thuế. Cơ sở kinh doanh phải kê khai đầy đủ, đúng mẫu tờ khai và chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc kê khai.

##### **b. *Thời hạn nộp thuế***

- Người nộp thuế có nghĩa vụ nộp thuế đầy đủ, đúng thời hạn vào ngân sách Nhà nước.

- Trường hợp người nộp thuế tính thuế, thời hạn nộp thuế chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế.

- Trường hợp cơ quan thuế tính thuế hoặc ấn định thuế, thời hạn nộp thuế là thời hạn ghi trên thông báo của cơ quan thuế.

### ***c. Hoàn thuế***

Các trường hợp hoàn thuế GTGT:

- Cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế được hoàn thuế GTGT nếu trong ba tháng liên tục trở lên có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết.

Trường hợp cơ sở kinh doanh đã đăng ký nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ có dự án đầu tư mới, đang trong giai đoạn đầu tư có số thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào sử dụng cho đầu tư mà chưa được khấu trừ hết và có số thuế còn lại từ 200 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng.

- Cơ sở kinh doanh trong tháng có hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu, nếu số thuế GTGT đầu vào của hàng hoá xuất khẩu phát sinh trong tháng chưa được khấu trừ từ 200 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế GTGT theo tháng.

- Cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế được hoàn thuế GTGT khi chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động có số thuế GTGT nộp thừa hoặc số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết.

- Cơ sở kinh doanh có quyết định hoàn thuế GTGT của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và trường hợp hoàn thuế GTGT theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

## ***1.2.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp***

### ***1.2.2.1. Khái niệm***

Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) là loại thuế trực thu đánh trên phần thu nhập sau khi trừ đi các khoản chi phí hợp lý, hợp pháp liên quan đến thu nhập của đối tượng nộp thuế .

### ***1.2.2.2. Đối tượng chịu thuế, đối tượng nộp thuế TNDN***

Thuế TNDN là loại thuế trực thu nên đối tượng nộp thuế cũng chính là đối tượng chịu thuế.

Đối tượng nộp thuế TNDN là tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ có thu nhập chịu thuế theo quy định của Luật thuế TNDN, bao gồm:

- Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam như: Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn, Công ty hợp danh, Doanh nghiệp tư nhân...

- Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật nước ngoài (gọi là doanh nghiệp nước ngoài) có cơ sở thường trú tại Việt Nam.

- Tổ chức được thành lập theo Luật hợp tác xã;

- Đơn vị sự nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam;

- Tổ chức khác có hoạt động sản xuất, kinh doanh có thu nhập..

### **1.2.2.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế TNDN**

#### **a. Căn cứ tính thuế TNDN**

- Căn cứ tính thuế là thu nhập tính thuế và thuế suất. Theo Luật thuế TNDN hiện nay, mức thuế suất thuế TNDN là 25%.

- Kỳ tính thuế: Kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định theo năm dương lịch. Trường hợp doanh nghiệp áp dụng năm tài chính khác với năm dương lịch thì kỳ tính thuế xác định theo năm tài chính áp dụng.

#### **b. Phương pháp tính thuế TNDN**

- Thuế TNDN phải nộp:

$$\text{Thuế TNDN phải nộp trong kỳ tính thuế} = \text{Thu nhập tính thuế trong kỳ tính thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

Trong đó:

$$\text{Thu nhập tính thuế trong kỳ tính thuế} = \text{Thu nhập chịu thuế} - \text{Thu nhập được miễn thuế} - \text{Các khoản lỗ được kết chuyển từ các năm trước}$$

$$\text{Thu nhập chịu thuế} = \text{Doanh thu} - \text{Các khoản chi được trừ của hoạt động sản xuất kinh doanh} + \text{Thu nhập chịu thuế khác trong kỳ tính thuế}$$

Thu nhập được miễn thuế bao gồm:

+ Thu nhập từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản của tổ chức được thành lập theo Luật Hợp tác xã.

+ Thu nhập từ việc thực hiện dịch vụ kỹ thuật trực tiếp phục vụ nông nghiệp.

+ Thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, sản phẩm đang trong thời kỳ sản xuất thử nghiệm, sản phẩm làm ra từ công nghệ mới lần đầu áp dụng tại Việt Nam.

+ Thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ của doanh nghiệp dành riêng cho lao động là người tàn tật, người sau cai nghiện, người nhiễm HIV.

+ Thu nhập từ hoạt động dạy nghề dành riêng cho người dân tộc thiểu số, người tàn tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đối tượng tị nạn xã hội.

+ Thu nhập được chia từ hoạt động góp vốn, liên doanh, liên kết với doanh nghiệp trong nước, sau khi đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

+ Khoản tài trợ nhận được để sử dụng cho hoạt động giáo dục, nghiên cứu khoa học, văn hoá, nghệ thuật, từ thiện, nhân đạo và hoạt động xã hội khác tại Việt Nam.

*(1) Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế trong kỳ*

Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế là toàn bộ tiền bán hàng, tiền gia công, tiền cung ứng dịch vụ, trợ giá, phụ thu, phụ trội mà doanh nghiệp được hưởng không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền và được xác định cụ thể như sau:

- Đối với cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ là doanh thu chưa bao gồm thuế GTGT.

- Đối với cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp là doanh thu bao gồm cả thuế GTGT.

- Doanh thu được tính bằng đồng Việt Nam; trường hợp có doanh thu bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh doanh thu bằng ngoại tệ.

*\* Thời điểm xác định doanh thu để tính thu nhập chịu thuế được xác định như sau:*

- Đối với hoạt động bán hàng là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng hàng hoá cho người mua.

- Đối với cung ứng dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ cho người mua hoặc thời điểm lập hoá đơn cung ứng dịch vụ.

Trường hợp thời điểm lập hoá đơn xảy ra trước thời điểm dịch vụ hoàn thành thì thời điểm xác định doanh thu được tính theo thời điểm lập hoá đơn.

*\* Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế trong một số trường hợp được xác định như sau:*

- Đối với hàng hoá bán theo phương thức trả góp được xác định theo giá bán hàng hoá trả tiền một lần, không bao gồm tiền lãi trả chậm.

- Đối với hàng hoá, dịch vụ do cơ sở kinh doanh làm ra dùng để trao đổi; biếu tặng; tiêu dùng nội bộ được xác định theo giá bán của hàng hoá, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương trên thị trường tại thời điểm trao đổi; biếu tặng; tiêu dùng nội bộ.

- Đối với hoạt động gia công hàng hoá là tiền thu về gia công bao gồm cả tiền công, nhiên liệu, động lực, vật liệu phụ và chi phí khác phục vụ cho việc gia công hàng hoá.

- Đối với cơ sở kinh doanh nhận làm đại lý, ký gửi bán hàng theo đúng giá quy định của cơ sở kinh doanh giao đại lý, ký gửi là tiền hoa hồng được hưởng.

- Đối với hoạt động cho thuê tài sản là số tiền thu từng kỳ theo hợp đồng. Trường hợp bên thuê tài sản trả tiền thuê trước cho nhiều năm thì doanh thu để tính thu nhập chịu thuế được phân bổ cho số năm trả tiền trước.

- Đối với hoạt động tín dụng, hoạt động cho thuê tài chính là tiền lãi cho vay, doanh thu về thuê tài chính phát sinh trong kỳ tính thuế.

- Đối với hoạt động vận tải là là toàn bộ doanh thu vận chuyên hành khách, hàng hoá, hành lý phát sinh trong kỳ tính thuế.

- Đối với hoạt động cung cấp điện, nước sạch là số tiền cung cấp điện, nước sạch ghi trên hoá đơn GTGT. Thời điểm xác định doanh thu để tính thu nhập chịu thuế là ngày xác nhận chỉ số công tơ điện và được ghi nhận trên hoá đơn tính tiền điện, tiền nước sạch.

- Đối với hoạt động kinh doanh sân golf là tiền bán thẻ hội viên, bán vé chơi golf và các khoản thu khác trong kỳ tính thuế.

- Đối với hoạt động kinh doanh bảo hiểm và tái bảo hiểm là số tiền thu về phí bảo hiểm gốc, phí đại lý giám định, phí nhận tái bảo hiểm, thu hoa hồng tái bảo hiểm và các khoản thu khác về kinh doanh bảo hiểm sau khi đã trừ đi các khoản hoàn hoặc giảm phí bảo hiểm, phí nhận tái bảo hiểm; các khoản hoàn hoặc giảm hoa hồng nhượng tái bảo hiểm.

- Đối với hoạt động xây lắp, lắp đặt là giá trị công trình, giá trị hạng mục công trình hoặc giá trị khối lượng công trình xây dựng, lắp đặt nghiệm thu.

- Trường hợp xây dựng, lắp đặt có bao thầu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị là số tiền từ hoạt động xây dựng, lắp đặt bao gồm cả giá trị nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị.

- Trường hợp xây dựng, lắp đặt không bao thầu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị là số tiền từ hoạt động xây dựng, lắp đặt không bao gồm giá trị nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị.

- Đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán là các khoản thu từ dịch vụ môi giới, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán và các dịch vụ chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

- Đối với dịch vụ tài chính phái sinh là số tiền thu từ việc cung cấp các dịch vụ tài chính phái sinh thực hiện trong kỳ tính thuế.

## (2) Thu nhập khác

Thu nhập khác là các khoản thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế mà khoản thu nhập này không thuộc các ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh có trong đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm:

- Thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán.
- Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản.
- Thu nhập từ quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản.
- Thu nhập từ chuyển nhượng, thanh lý tài sản (trừ bất động sản).
- Thu nhập từ tiền gửi, lãi cho vay vốn.
- Thu nhập từ kinh doanh ngoại tệ; Lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Hoàn nhập các khoản dự phòng.



- Khoản nợ khó đòi đã xoá nay đòi được.
- Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót do doanh nghiệp phát hiện ra.
- Chênh lệch giữa thu về tiền phạt, tiền bồi thường do đối tác vi phạm hợp đồng kinh tế sau khi trừ đi khoản bị phạt do vi phạm hợp đồng.
- Chênh lệch do đánh giá lại tài sản theo quy định của pháp luật.
- Quà biếu, quà tặng bằng tiền hoặc bằng hiện vật.
- Thu nhập về tiêu thụ phế phẩm, phế liệu sau khi trừ chi phí thu hồi và chi phí tiêu thụ.
- Các khoản thu nhập khác theo quy định của pháp luật.

(3) Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

*\* Doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:*

- Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp;

- Khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật;
- Phần giá trị tổn thất do thiên tai, dịch bệnh và trường hợp bất khả kháng khác.

*\* Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế bao gồm:*

- Khoản chi không có đủ hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật;
- Khoản tiền phạt do vi phạm hành chính;
- Khoản chi được bù đắp bằng nguồn kinh phí khác;
- Phần chi phí quản lý kinh doanh do doanh nghiệp nước ngoài phân bổ cho cơ sở thường trú tại Việt Nam vượt mức tính theo phương pháp phân bổ do pháp luật Việt Nam quy định;

- Phần chi vượt mức theo quy định của pháp luật về trích lập dự phòng;
- Phần chi phí nguyên vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, hàng hoá vượt định mức tiêu hao do doanh nghiệp xây dựng, thông báo cho cơ quan thuế và giá thực tế xuất kho;

- Phần chi trả tiền vay vốn sản xuất, kinh doanh của đối tượng không phải là tổ chức tín dụng hoặc tổ chức kinh tế vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm vay.

- Trích khấu hao tài sản cố định không đúng quy định của pháp luật;
- Khoản trích trước vào chi phí không đúng quy định của pháp luật;
- Tiền lương, tiền công của chủ doanh nghiệp tư nhân; thù lao trả cho sáng lập viên doanh nghiệp không trực tiếp tham gia điều hành sản xuất, kinh doanh; tiền lương, tiền công, các khoản hạch toán khác để trả cho người lao động nhưng thực tế không chi trả hoặc không có hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật;
- Chi trả lãi tiền vay để góp vốn điều lệ hoặc chi trả lãi tiền vay tương ứng với phần vốn điều lệ đã đăng ký còn thiếu;
- Thuế giá trị gia tăng đầu vào đã được khấu trừ hoặc hoàn thuế; thuế thu nhập doanh nghiệp; thuế thu nhập cá nhân;
- Phần chi quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, hoa hồng môi giới; chi tiếp tân, khánh tiết, hội nghị; chi hỗ trợ tiếp thị, chi hỗ trợ chi phí, chiết khấu thanh toán; chi báo biểu, báo tặng của cơ quan báo chí liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh vượt quá 10% tổng số chi được trừ; đối với doanh nghiệp thành lập mới là phần chi vượt quá 15% trong ba năm đầu, kể từ khi được thành lập. Tổng số chi được trừ không bao gồm các khoản chi quy định tại điểm này; đối với hoạt động thương mại, tổng số chi được trừ không bao gồm giá mua của hàng hoá bán ra;
- Khoản tài trợ, trừ khoản tài trợ cho giáo dục, y tế, khắc phục hậu quả thiên tai và làm nhà tình nghĩa cho người nghèo theo quy định của pháp luật.

#### **1.2.2.4. *Kê khai, quyết toán, nộp thuế***

##### ***a. Kê khai, quyết toán thuế***

Việc khai thuế TNDN tạm tính theo quý được thực hiện kể từ quý 3/2007 trở đi và quyết toán thuế năm 2007, hồ sơ khai thuế theo Mẫu biểu ban hành kèm theo Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 của Bộ Tài chính. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế quý chậm nhất là ngày thứ 30 của quý tiếp theo quý phát sinh nghĩa vụ thuế; thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế năm chậm nhất là ngày thứ 90 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính.

##### ***b. Nộp thuế***

- Trường hợp đơn vị tự tính, tự khai, tự nộp thì thời hạn nộp thuế TNDN chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ kê khai thuế. Cụ thể là:
  - + Thời hạn tạm nộp thuế theo quý chậm nhất là ngày thứ 30 của quý tiếp

theo quý phát sinh nghĩa vụ thuế.

+ Thời hạn nộp thuế theo quyết toán năm chậm nhất là ngày thứ 90, kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính.

- Trường hợp cơ quan thuế tính thuế hoặc ấn định thuế thì thời hạn nộp thuế là thời hạn ghi trên thông báo của cơ quan thuế.

### **1.3. Kế toán thuế GTGT và thuế TNDN**

#### **1.3.1. Kế toán thuế GTGT**

##### **1.3.1.1. Chứng từ kế toán**

Các chứng từ sử dụng trong kế toán thuế GTGT gồm:

- Hoá đơn GTGT
- Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào
- Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ bán ra
- Tờ khai thuế GTGT

##### **1.3.1.2. Tài khoản sử dụng**

Kế toán thuế GTGT sử dụng TK 133 - “Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ” và TK 3331- “Thuế GTGT đầu ra”.

##### **a. TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ**

- Nội dung: Tài khoản này dùng để phản ánh số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, đã khấu trừ và còn được khấu trừ.

TK này có 2 TK cấp 2:

TK 1331 - Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ: Phản ánh thuế GTGT được khấu trừ của vật tư, hàng hoá, dịch vụ mua ngoài phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

TK 1332 - Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của tài sản cố định: Phản ánh thuế GTGT đầu vào được khấu trừ khi mua sắm TSCĐ dùng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Kết cấu:

**TK 133**

<p><u>SDĐK</u>: Số thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ đầu kỳ</p> <p>- Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ phát sinh tăng trong kỳ</p>	<p>- Khấu trừ thuế GTGT</p> <p>- Hoàn thuế GTGT</p> <p>- Phân bổ thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ</p>
<p><u>SDCK</u>: Số thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ cuối kỳ</p>	

\* Nguyên tắc hạch toán TK 133:

- TK 133 chỉ được sử dụng cho đơn vị nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Vật tư, hàng hoá, tài sản mua vào sử dụng đồng thời cho hoạt động chịu thuế và không chịu thuế GTGT thì chỉ phản ánh thuế GTGT đầu vào được khấu trừ vào TK133 đối với vật tư, hàng hoá mua vào để sử dụng cho hoạt động chịu thuế GTGT.

Trường hợp không hạch toán riêng được giá trị vật tư hàng hoá sử dụng cho hoạt động chịu thuế và không chịu thuế thì toàn bộ thuế GTGT đầu vào vẫn được phản ánh vào TK133, cuối kỳ kế toán xác định số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ theo tỷ lệ giữa doanh thu chịu thuế GTGT so với tổng doanh số của hàng hoá, dịch vụ bán ra. Phần thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được phân bổ vào giá vốn bán hàng (nếu sản phẩm đã được tiêu thụ hết) hoặc phản ánh vào TK 1421 “Chi phí trả trước”.

- Thuế GTGT đầu vào phát sinh trong tháng nào thì được kê khai, khấu trừ với thuế GTGT đầu ra của tháng đó, nếu thuế GTGT đầu vào lớn hơn thuế GTGT đầu ra phải nộp thì khấu trừ theo số nhỏ hơn, số còn lại được khấu trừ tiếp ở kỳ sau. Nếu sau 3 kỳ liên tiếp không khấu trừ hết thì Ngân sách sẽ hoàn thuế.

- Nếu mua hàng hoá, dịch vụ không có hoá đơn GTGT theo qui định hoặc có hoá đơn nhưng không ghi rõ thuế GTGT hoặc hoá đơn không hợp lệ thì không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

**b. TK 3331 - Thuế GTGT đầu ra**

- Nội dung: Dùng để phản ánh số thuế GTGT đầu ra, thuế GTGT của hàng nhập khẩu phải nộp, số thuế GTGT đã được khấu trừ, đã nộp và còn phải nộp.

TK này có 2 TK cấp 2:

TK 33311 - Thuế GTGT đầu ra: Phản ánh thuế GTGT đầu ra phải nộp, số thuế GTGT đã được khấu trừ, đã nộp và còn phải nộp của hàng hoá, dịch vụ tiêu thu trong kỳ.

TK 33312 - Thuế GTGT hàng nhập khẩu: Phản ánh số thuế GTGT đầu ra của hàng nhập khẩu phải nộp, đã nộp và còn phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Kết cấu:

**TK 3331**

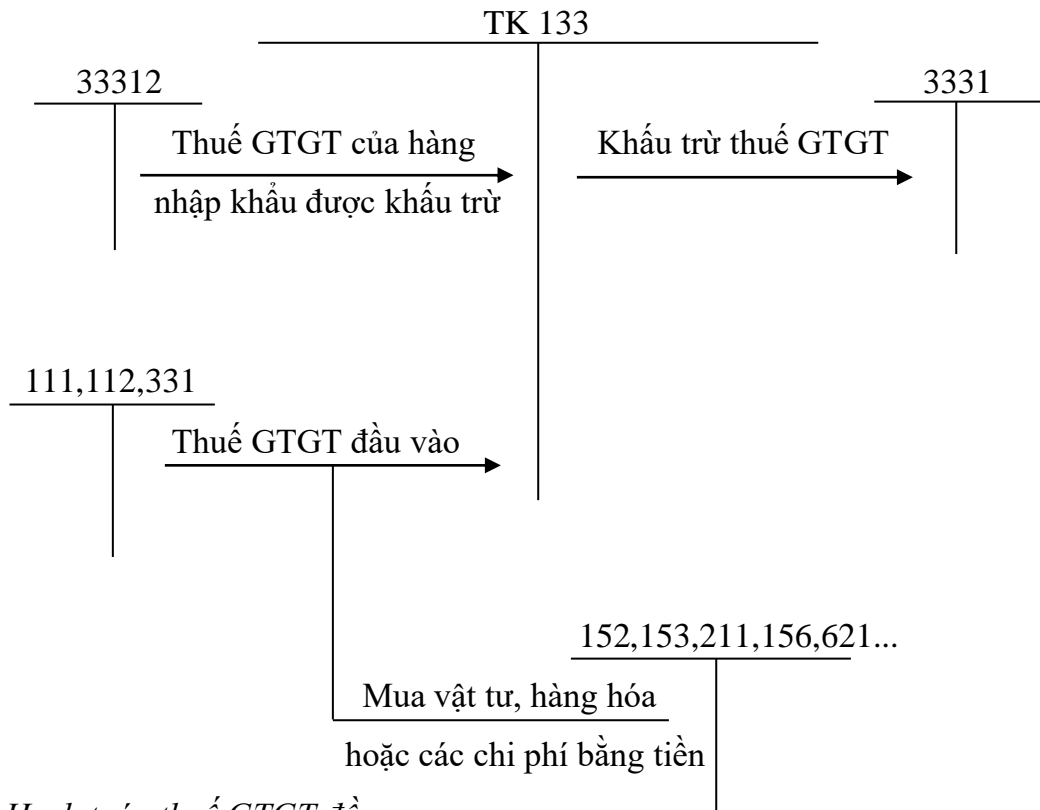
<u>SDDK</u> : Số thuế GTGT đã nộp thừa còn tồn đầu kỳ - Khấu trừ thuế GTGT - Thuế GTGT được miễn giảm - Số thuế GTGT đã nộp vào NSNN	<u>SDDK</u> : Số thuế GTGT còn phải nộp đầu kỳ - Số thuế GTGT phải nộp trong kỳ
<u>SDCK</u> : Số thuế GTGT đã nộp thừa vào NSNN	<u>SDCK</u> : Số thuế GTGT còn phải nộp cuối kỳ

**1.3.1.3. Phương pháp hạch toán**

**a. Đối với đơn vị nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ**

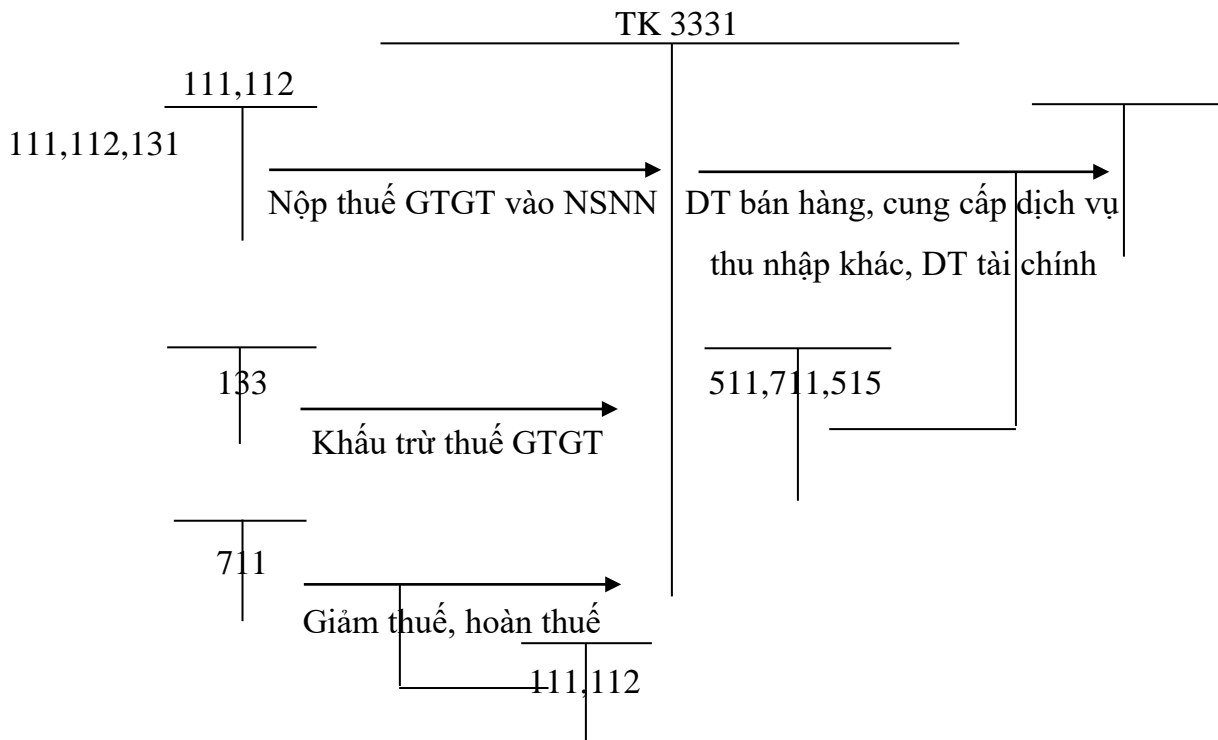
\* Hạch toán thuế GTGT đầu vào

**Sơ đồ 1.1: Quy trình hạch toán thuế GTGT đầu vào**



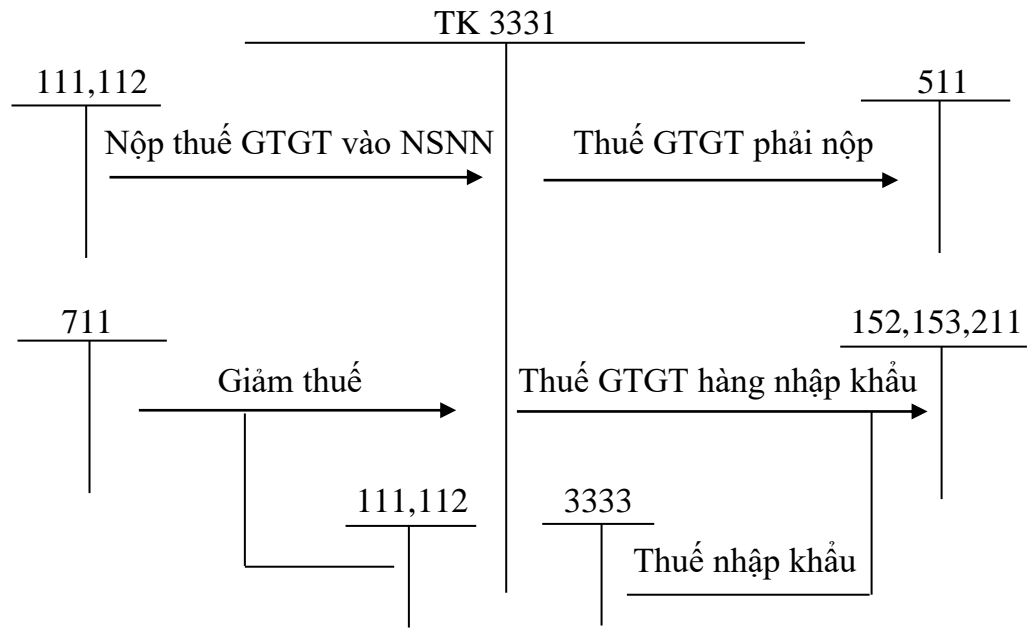
\* Hạch toán thuế GTGT đầu ra:

**Sơ đồ 1.2: Quy trình hạch toán thuế GTGT đầu ra**



**b. Đối với đơn vị nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp**

**Sơ đồ 1.3: Quy trình hạch toán thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp**



**1.3.2. Kế toán thuế TNDN**

**1.3.2.1. Kế toán thuế TNDN hiện hành**

Khái niệm: Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành) [13].

**a. Chứng từ sử dụng**

- Các tờ khai tạm nộp/quyết toán thuế TNDN hàng năm
- Thông báo thuế và biên lai nộp thuế
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan.

**b. Tài khoản sử dụng**

Kế toán thuế TNDN hiện hành sử dụng 2 TK, đó là TK 3334 - "Thuế thu nhập doanh nghiệp" và TK 8211 - "Chi phí thuế TNDN hiện hành"

Kết cấu của các TK:

**TK 3334**

<p>- Số thuế TNDN thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN tạm nộp</p>	<p><u>SDDK</u>: Số thuế TNDN còn phải nộp đầu kỳ - Số thuế TNDN tạm nộp/phải nộp trong kỳ</p>
	<p><u>SDCK</u>: Số thuế TNDN còn phải nộp cuối kỳ</p>

**TK 8211**

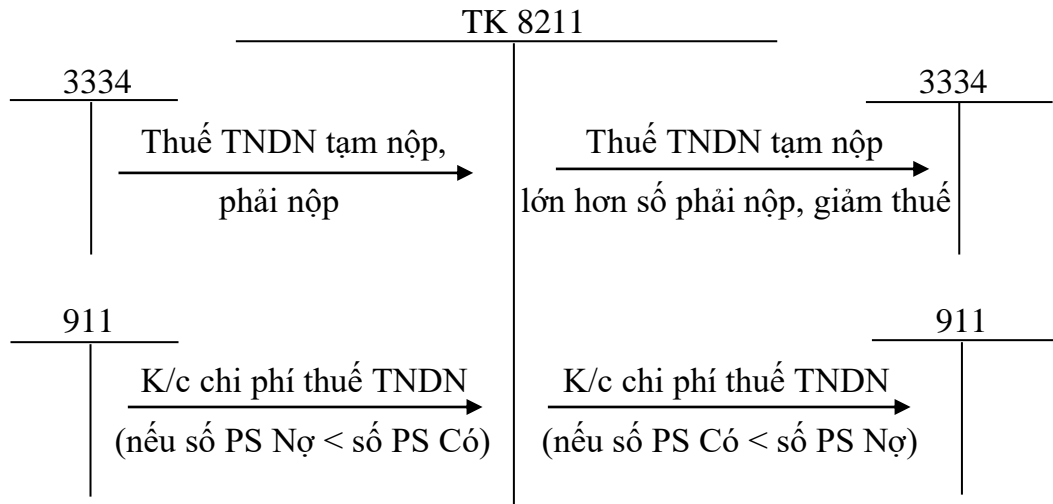
<p>- Thuế TNDN phải nộp tính vào chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm - Thuế TNDN của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế TNDN hiện hành của năm hiện tại</p>	<p>- Số thuế TNDN thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN tạm nộp được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm - Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành của năm hiện tại - Kết chuyển chi phí thuế TNDN sang TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh"</p>
---	--

TK 8211 không có số dư cuối kỳ.



c. Phương pháp hạch toán

**Sơ đồ 1.4: Quy trình hạch toán kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**



**1.3.2.2. Thuế do đơn vị không sử dụng do áp dụng Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC**

**a. Kế toán tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Khái niệm: Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế TNDN sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng và giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng [14].

(1) Chứng từ sử dụng

- Bảng xác định chênh lệch tạm thời được khấu trừ (Mẫu tại phụ lục 01)
- Bảng xác định tài sản thuế thu nhập hoãn lại (Mẫu tại phụ lục 01)

(2) Tài khoản sử dụng

Kế toán tài sản thuế thu nhập hoãn lại sử dụng TK 243 - “Tài sản thuế thu nhập hoãn lại” và TK 8212 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại”. Kết cấu của các tài khoản:

**TK 243**

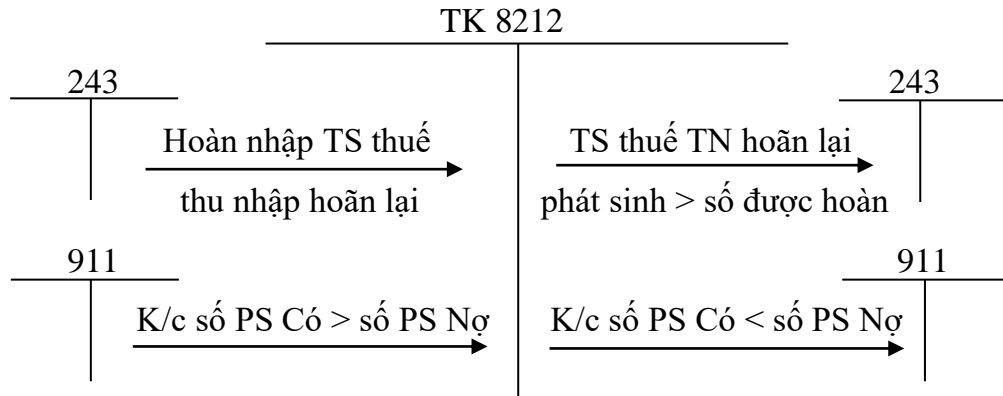
<p><b>SDDK:</b> <i>Giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại đầu kỳ</i></p> <p>- Giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh tăng trong kỳ</p>	<p>- Giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh giảm trong kỳ</p>
<p><b>SDCK:</b> <i>Giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại cuối kỳ</i></p>	

**TK 8212**

<p>- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm (số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập)</p> <p>- Số hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận từ các năm trước (số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm)</p> <p>- Kết chuyển chênh lệch giữa số PS bên Có TK 8212 lớn hơn bên Nợ TK 8212 sang bên Có TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”</p>	<p>- Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại (số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm.</p> <p>- Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại (số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn số phát sinh trong năm)</p> <p>- Kết chuyển chênh lệch giữa số PS bên Có TK 8212 nhỏ hơn bên Nợ TK 8212 sang bên Có TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”</p>
--	---

(3) Phương pháp hạch toán

**Sơ đồ 1.5: Quy trình hạch toán kế toán tài sản thuế thu nhập hoãn lại**



**b. Kế toán thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Khái niệm: Thuế thu nhập hoãn lại phải trả là thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế TNDN trong năm hiện hành [15].

(1) Chứng từ sử dụng

- Bảng xác định chênh lệch tạm thời chịu thuế (Mẫu tại phụ lục 01)
- Bảng xác định thuế thu nhập hoãn lại phải trả (Mẫu tại phụ lục 01)

(2) Tài khoản sử dụng

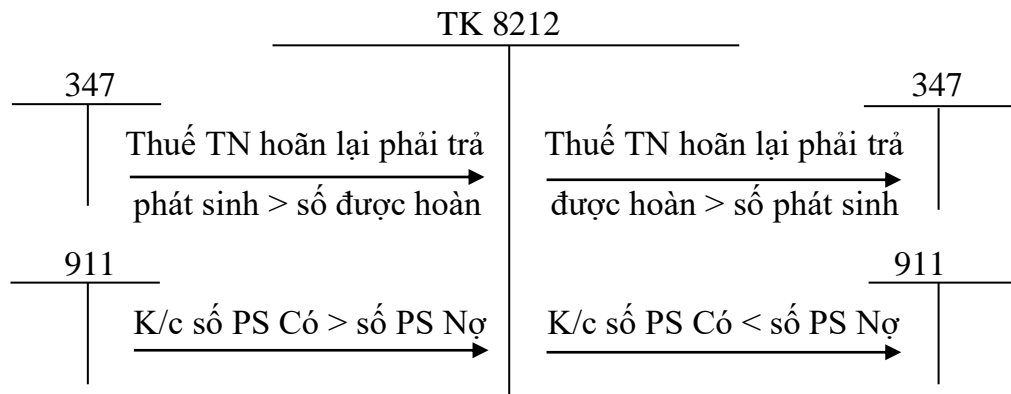
Kế toán thuế thu nhập hoãn lại phải trả sử dụng TK 347 - “Thuế thu nhập hoãn lại phải trả” và TK 8212 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại”.

Kết cấu của TK 347

TK 347	
<p>- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả giảm (hoàn nhập) trong kỳ</p>	<p><b>SDDK:</b> Số thuế thu nhập hoãn lại phải trả đầu kỳ</p> <p>- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận trong kỳ</p>
<p><b>SDCK:</b> Thuế thu nhập hoãn lại phải trả còn lại cuối kỳ</p>	

(3). Phương pháp hạch toán

**Sơ đồ 1.6: Quy trình hạch toán kế toán thuế thu nhập hoãn lại phải trả**



**1.3.3. Tổ chức sổ sách kế toán đối với thuế GTGT và thuế TNDN**

Việc tổ chức hệ thống sổ kế toán phụ thuộc vào hình thức kế toán mà doanh nghiệp áp dụng. Các doanh nghiệp có thể tổ chức sổ sách kế toán dựa vào một trong các hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ
- Hình thức kế toán bằng máy

**1.3.4. Nhiệm vụ của kế toán thuế**

Kế toán thuế là một phần không thể thiếu đối với bất kỳ một doanh nghiệp nào. Bởi doanh nghiệp nào cũng phải có nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước. Do đó, để việc thực hiện nghĩa vụ này một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời thì công tác kế toán thuế phải được thực hiện tốt.

*Đối với kế toán thuế GTGT:*

- Thứ nhất: Theo dõi thuế GTGT đầu vào và đầu ra phát sinh trong tháng. Việc theo dõi 2 khoản thuế này đều phải căn cứ vào hoá đơn GTGT.

- Thứ hai: Lập bảng kê thuế hàng tháng, bao gồm: Bảng kê hoá đơn, chứng từ, hàng hoá dịch vụ, mua vào và Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ bán ra.

Căn cứ để lập các bảng kê trên là hoá đơn GTGT

- Thứ ba: Kê khai thuế phải nộp hàng tháng và lập tờ khai thuế GTGT.

- Thứ tư: Vào sổ kế toán và lập báo cáo thuế.

Hàng ngày, khi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán căn cứ vào hoá đơn GTGT hoặc bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào, bán ra và các chứng từ gốc khác như phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy báo có....để vào các sổ chi tiết và sổ Cái TK 133 và 3331. Số liệu trên sổ Cái được sử dụng để lên báo cáo thuế hàng năm.

*Đối với kế toán thuế TNDN:* Kế toán phải tập hợp doanh thu, các chi phí hợp lý trong kỳ để từ đó tính ra thu nhập chịu thuế và tính ra số thuế còn phải nộp ngân sách Nhà nước. Sau đó kế toán tiến hành ghi sổ chi tiết và sổ Cái TK 3334, 8211 và lập báo cáo thuế.

Như vậy, công tác kế toán thuế giúp doanh nghiệp hoàn thành tốt nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước, tránh việc bị truy thu thuế hay bị xử phạt vì nộp thuế chậm, đồng thời giúp Nhà nước nhanh chóng thu được thuế bổ sung cho Ngân sách nhà nước cung cấp kịp thời cho các hoạt động kinh tế xã hội nhằm phát triển đất nước.

## CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN THUẾ TẠI CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ TIN HỌC MINH KHÔI

### *2.1. Giới thiệu về công ty TNHH Công Nghệ Tin Học Minh Khôi.*

#### *2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty.*

##### *2.1.1.1. Tên, địa chỉ, tư cách pháp nhân, hình thức tổ chức kinh doanh*

- **Tên Công ty :** Công ty TNHH Công Nghệ Tin Học Minh Khôi.
- **Địa chỉ:** 121 Lý Thường Kiệt, Khóm 4, Phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
- **Điện thoại:** 07803.677.888
- **Fax:** 07803.677.788
- **Email:** minhkhoi@minhkhoi.vn
- **Website:** www.minhkhoi.vn
- **Mst:** 2000431909

Chủ công ty TNHH Công Nghệ Tin Học Minh Khôi đăng kí hoạt động kinh doanh dưới hình thức: doanh nghiệp tư nhân, căn cứ vào giấy chứng nhận kinh doanh số 6102000175 do sở đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

Công ty hoạt động dưới hình thức sở hữu vốn tư nhân, có con dấu riêng mang tên Công ty để giao dịch, chịu sự quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau và sự quản lý của nhà nước về lĩnh vực kinh doanh của mình.

Công ty tính thuế giá trị gia tăng (GTGT) theo phương pháp khấu trừ, hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thương xuyên, hàng hóa xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn.

##### *2.1.1.2. Quá trình hình thành và phát triển.*

Công ty TNHH Công Nghệ Tin Học Minh Khôi là một doanh nghiệp tư nhân, được thành lập từ năm 2004. Tuy là một doanh nghiệp tư nhân mới thành lập nhưng Công ty TNHH Công Nghệ Tin Học Minh Khôi đã gặt hái được nhiều thành công, có uy tín rộng rãi trong các cơ quan quản lý, các bạn hàng và các tổ chức kinh tế. Công ty thành lập năm 2004, cũng là thời kỳ nền kinh tế thị trường phát triển mạnh, nhu cầu mua sắm máy vi tính cho các cơ quan, nhà nước, các Công ty, các trường học, các xí nghiệp và người dân bắt đầu tăng cao.

Công ty TNHH Công Nghệ Tin Học Minh Khôi thực chất là một Công ty mua và bán, trong đó có bán buôn và bán lẻ các mặt hàng về máy tính phục vụ cho nhu cầu thị trường đang phát triển mạnh. Hiện nay, Công ty đã có nhiều chi nhánh trên một số tỉnh chẳng hạn như tỉnh ( Bạc Liêu)...thành trong cả nước, làm đại lý kinh tế cho các thành phần trong nước và ngoài nước, chẳng hạn như là đại lý chính thức của các hãng nổi tiếng trên thế giới như: Intel, Hp-Compaq, Ibm, Ricoh, v..v..nhãn hiệu MKC đã được cục sở hữu công nghiệp cấp giấy chứng nhận đăng kí nhãn hiệu hàng hóa số 43688. Thương hiệu máy tính CAMPC được lắp ráp với các linh kiện ngoại nhập có chất lượng cao với chất lượng dịch vụ bảo hành bảo trì hoàn hảo đã chiếm lĩnh được một phần đáng kể trong lĩnh vực bán lẻ và đang triển khai mạnh mẽ vào các dự án quan trọng của nhà nước.

Hiện nay với nguồn vốn điều lệ 2 tỷ đồng, vốn lưu động là 5 tỷ đồng và đội ngũ hơn 30 nhân viên có trình độ đại học trở lên trong các lĩnh vực tin học, điện tử, quản trị kinh doanh... Công ty TNHH Công Nghệ Tin Học Minh Khôi đang thực sự trưởng thành cũng với sự phát triển ngày càng mạnh mẽ của lĩnh vực công nghệ thông tin.

#### **2.1.1.3. Chức năng của Công ty.**

Chức năng kinh doanh cụ thể của Công ty là bán buôn và bán lẻ các loại máy vi tính, để phục vụ cho khách hàng một cách chu đáo, hợp lý đáp ứng nhu cầu thị trường.

Làm đại lý tiêu thụ sản phẩm cho các Công ty sản xuất thuộc thành phần kinh doanh trong và ngoài nước.

Tổ chức các dịch vụ kinh doanh.

#### **2.1.1.4. Nhiệm vụ của Công ty.**

Tổ chức thu mua và nắm mọi nguồn hàng ở tất cả các đơn vị thuộc mọi thành phần kinh tế trong phạm vi các mặt hàng kinh doanh.

Các Công ty phải đáp ứng được các yêu cầu thiết yếu về các mặt hàng đảm bảo chất lượng giá cả phải chăng để thu các khoản tiền giữa bán thực tế và giá bán trên thị trường hợp lý.

Mỗi bộ phận phòng ban điều có nhiệm vụ riêng là phải đóng góp cho mục tiêu chung của Công ty.

Vận dụng các phương pháp phân bổ chi phí và tính giá thành cho phù hợp với bộ phận quản lý và quá trình sửa chữa kỹ thuật của Công ty.

Cung cấp tài liệu cần thiết cho việc lập dự toán và phân tích hoạt động kinh tế, khai thác và sử dụng các chi phí có hiệu quả để hạ giá thành và nâng cao lợi nhuận cho Công ty.

Đảm bảo thực hiện tốt các chính sách của Đảng và Pháp Luật của Nhà Nước, thực hiện chế độ tổ chức kinh doanh theo chế độ của Pháp Luật hiện hành.

Phản ánh đầy đủ, kịp thời và chính xác về tình hình hoạt động sử dụng tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển được kiểm tra chặt chẽ qua các phiếu thu, phiếu chi.

Hoạt động tổ chức thực hiện, chỉ huy và kiểm soát các hoạt động mà trong đó chủ yếu là hoạt động kinh doanh nhằm mục tiêu lợi nhuận là chủ yếu để:

➤ Hoàn thành kế hoạch mà Công ty đề ra.

Tổ chức kế hoạch hạch toán tài chính kế toán theo quy định của Pháp Luật.

Đẩy mạnh kinh doanh buôn bán mở rộng mạng lưới các cửa hàng bán lẻ để theo kịp sự phát triển của kinh tế cả nước và thế giới

Hoạch định kế hoạch chiến lược lâu dài từ nay đến 2016 của Công ty, đảm bảo tốc độ tăng trưởng 10-15%.

#### **2.1.1.5. Đặc điểm của Công ty.**

- Địa điểm hoạt động :

#### **Trụ sở chính :**

121 Lý Thường Kiệt, Khóm 4, Phường 6, Thành phố Cà Mau

Điện thoại : 0780 822.200

#### **Trụ sở tại Bạc Liêu :**

14B/6 Trần Phú, Phường 7, Thị Xã Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu

Điện thoại : 0781 958 999

- Đa dạng và phong phú về lĩnh vực hoạt động:

Với bề dày hơn 10 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực cung cấp máy vi tính và thiết bị máy văn phòng, Minh Khôi Computer từng bước tạo được cho mình một chỗ đứng vững chắc trên thị trường kinh doanh các sản phẩm liên quan đến lĩnh vực công nghệ thông tin tại Cà Mau. Cty TNHH CNTH Minh Khôi hiện nay là đại



lý cung cấp sản phẩm cho nhiều hãng sản xuất nổi tiếng trên thế giới và là đại lý của nhiều công ty máy tính có uy tín cao tại Việt Nam.

Với đội ngũ nhân viên có trình độ, tay nghề cao, đầy năng lực và nhiệt tình, kèm với sự hỗ trợ từ các đối tác ,chúng tôi có thể thực hiện một cách hoàn hảo các lĩnh vực sau:

- Cung cấp các giải pháp tổng thể : Mạng cục bộ (LAN), mạng diện rộng (WAN) , phần mềm ứng dụng

- Tư vấn thiết kế ,xây dựng các dự án công nghệ thông tin

- Cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tin học chất lượng cao với giá cạnh tranh nhất

- Sẵn sàng đáp ứng mọi yêu cầu của khách hàng trong thời gian ngắn nhất, đem lại hiệu quả nhanh chóng.

- Chính sách chăm sóc khách hàng hoàn hảo đem lại sự hài lòng cao nhất cho khách hàng.

- Tư vấn miễn phí và cung cấp các dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật cao, giúp cho khách hàng cập nhật thường xuyên công nghệ mới trong khu vực và trên thế giới.

- Sản xuất thiết bị văn phòng và máy tính

- Mua bán và xuất nhập khẩu thiết bị văn phòng ( máy tính, phần mềm máy tính,

- thiết bị ngoại vi như máy in, máy photocopy, kết sắt, vật tư ngành in)

- Đại lý ký gửi, mua bán hàng hóa

- Mua bán máy in, vật tư ngành in và phụ tùng.

- Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa máy tính và máy văn phòng.

- Dịch vụ cho thuê máy tính, thiết bị văn phòng

- Dịch vụ Internet.

- Tư vấn, thiết kế hệ thống an ninh bảo vệ, mạng máy tính.

- Dạy nghề ngắn hạn.

### **2.1.1.6.Mặt hàng chủ yếu của Công ty**

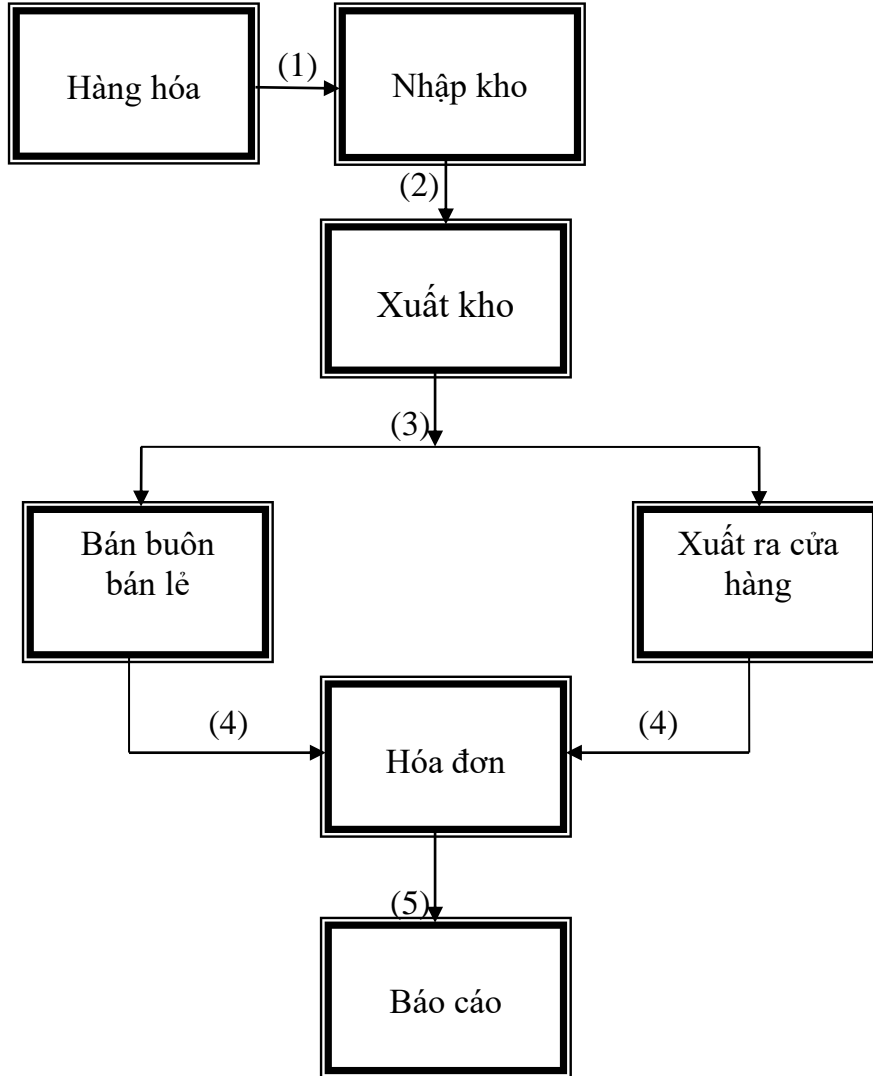
Máy vi tính.

Bên cạnh còn có một số mặt hàng khác như: Máy photocopy, máy in, két sắt, vật tư ngành in và các phụ tùng, máy tính xách tay, ...

**2.1.2. Tổ chức bộ máy sản xuất kinh doanh.**

➤ Quy trình vận động hóa

**Sơ đồ 2.1:** Sơ đồ quy trình vận động hóa của bộ máy sản xuất kinh doanh



❖ Các bước của một quy trình vận động hóa

**Bước 1:**

Hàng hóa sau khi được nhập kho. Phòng kinh doanh phân công cho các nhân viên kinh doanh trực tiếp giới thiệu tới khách hàng những mặt hàng hiện có:

+ giới thiệu về đặc tính của sản phẩm và nêu lên những tính ưu việt của sản phẩm có lợi cho người tiêu dùng.

+ Đưa ra những phương án thiết thực và linh động để làm hài lòng khách hàng.

+ Nhân viên kinh doanh giới thiệu sản phẩm tới các Công ty, siêu thị, cửa hàng và các đại lý mình phụ trách.

Công ty tiến hành giới thiệu quảng cáo sản phẩm của mình trên các phương tiện truyền hình, truyền thanh và báo chí...

Thông tin đến người tiêu dùng phải đầy đủ, khách quan, chính xác, trung thực, để khách hàng dễ nhận biết và tìm hiểu.

**Bước 2:**

Nhân viên kinh doanh nhận đơn hàng trực tiếp từ khách hàng hay gián tiếp từ điện thoại, fax..

Trong đơn đặt hàng phải ghi đầy đủ các thông tin: Tên/địa chỉ đơn vị bán, tên sản phẩm, quy cách sản phẩm, ngày sản xuất, hạn sử dụng, số lượng, thời gian giao nhận vận chuyển, địa điểm giao nhận và hình thức thanh toán.

Sau khi giới thiệu hàng hóa nếu khách hàng/đơn vị có nhu cầu sử dụng sản phẩm. Công ty tiến hành ký hợp đồng mua bán với các cơ sở đó, hợp đồng có nội dung sau

+ Tên, địa chỉ, điện thoại, mã số thuế, tài khoản ngân hàng, người đại diện cho đơn vị bán.

+ Tên, địa chỉ, điện thoại, mã số thuế, tài khoản ngân hàng, người đại diện cho đơn vị mua.

+ Danh mục các mặt hàng hai bên thỏa thuận mua bán.

+ Tên/địa chỉ đơn vị bán sản phẩm, quy cách sản phẩm, số lượng, ngày sản xuất, hạn sử dụng, số lượng, đơn giá, thành tiền.

+ Chất lượng hàng hóa.

+ Phương thức thanh toán.

+ Phương thức giải quyết khiếu nại, khiếu kiện.

Và cuối cùng phòng kế toán sẽ ký duyệt, gửi đến kho và xuất kho.

Hàng hóa sẽ được vận chuyển đúng đến các đơn vị, cửa hàng theo đơn đặt hàng, những nơi bán lẻ.

**Bước 4:**

Người giao nhận hoặc đơn vị được ủy quyền giao nhận phải được thực hiện việc yêu cầu cơ sở mua ký nhận hóa đơn chứng từ theo quy định. Trường hợp khách hàng thanh toán ngay phải nộp tiền đầy đủ và kịp thời về kế toán hành chính.

**Bước 5:**

Nộp báo cáo về cho Công ty.

**2.1.3. Cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý của công ty.**

Tổ chức một trình tự công tác phân tích kế toán để vận dụng vào các phương pháp với những tài liệu liên quan đến việc đánh giá kết quả chỉ ra những sai lầm và tìm ra biện pháp để sửa chữa và khắc phục những thiếu sót.

Bộ phận quản lý ban hành các quyết định, đồng thời theo dõi và kiểm tra cấp dưới.

Trong quá trình kiểm tra tài chính, kế toán phải tự kiểm tra phải thực hiện các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp luật hiện hành về kế toán như sau :

Kiểm tra việc lập, thu nhập xử lý chứng từ kế toán.

Kiểm tra việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ kế toán.

Kiểm tra việc áp dụng và ghi chép các tài khoản kế toán.

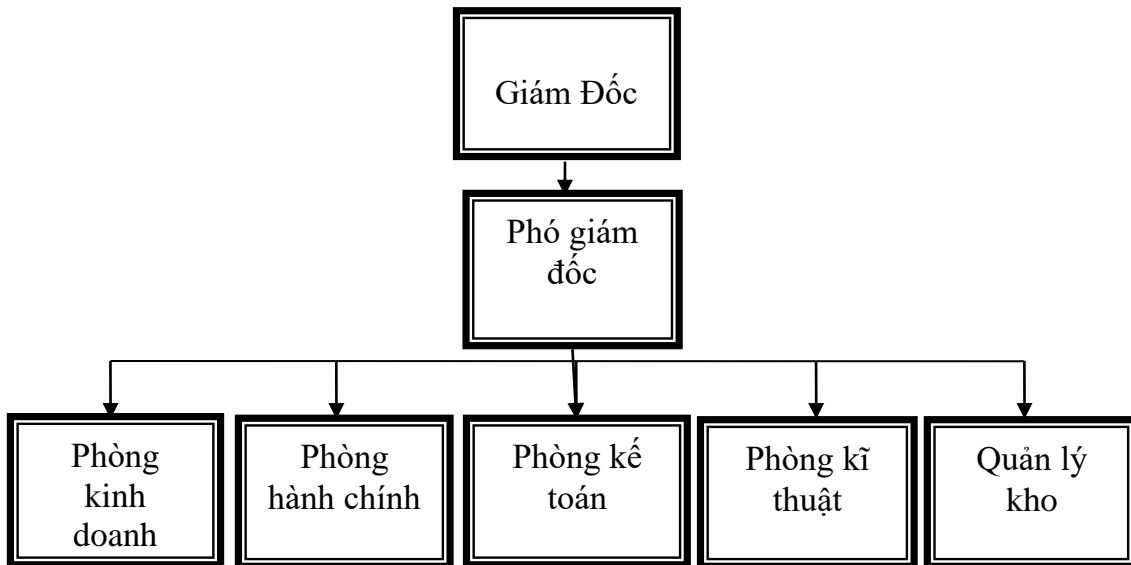
Kiểm tra việc lập báo cáo tài chính, phân tích, nộp và sử dụng báo cáo tài chính.

Kiểm tra việc thực hiện kiểm kê tài sản thường xuyên hoặc đột xuất theo quy định, việc thực hiện lưu trữ hồ sơ tài liệu kế toán.

Đối các đơn vị phải kiểm toán báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật thì phải xem xét các đơn vị có thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính theo quy định, ý kiến của cơ quan kiểm toán và xử lý của đơn vị.

**2.1.3.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty.**

**Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý chung của Công ty**



**2.1.3.2. Chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận.**

**Đứng đầu là giám đốc:** là người quản lí , điều hành trong mọi hoạt động trong công ty, đưa ra những quyết định, chính sách làm thúc đẩy công việc kinh doanh của công ty, giải quyết mọi vấn đề lương, chế độ chính sách cho các nhân viên. Là người trực tiếp ký kết các hợp đồng kinh tế. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động kinh doanh, chăm lo xây dựng và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, nhân viên ngày một vững mạnh mở rộng phát triển của Công ty.

**Phó giám đốc:** Là người được Giám Đốc đề nghị và Hội đồng quản trị bổ nhiệm thực hiện các chức năng và nhiệm vụ được giao theo sự ủy quyền của Giám Đốc. Mặt khác phó giám đốc có thể thay mặt Giám Đốc giải quyết những công việc có tính chất thường xuyên của đơn vị khi Giám Đốc vắng mặt.

**Phòng kinh doanh :** Tìm hiểu các thông tin và dữ liệu để đáp ứng nhu cầu của khách hàng từ đó đưa ra được các chiến lược thu hút khách hàng.

Giao dịch, ký với các đại lý.

Nghiên cứu giá cả và tham mưu cho Giám Đốc.

Chịu trách nhiệm tiếp thị và các sản phẩm xúc tiến công việc bán hàng. Nghiên cứu, khai thác thị trường, quảng cáo sản phẩm và nghiên cứu cách xâm nhập thị trường.

Phòng kinh doanh cho nhập các mặt hàng thiết bị đảm bảo chất lượng, định hướng chiến lược phát triển của công ty. Còn có nhiệm vụ phản ánh thường xuyên, rõ ràng các khoản chi, thu toàn bộ hoạt động kinh doanh.

**Phòng hành chính:** Là bộ phận điều hành quản lý và chỉ đạo thực hiện các lĩnh vực công tác như: nhân sự, tiền lương, quỹ khen thưởng, kỷ luật và quản lý.

Sắp xếp bộ máy quản lý gọn nhẹ.

Lập kế hoạch tuyển dụng, đào tạo các nhân viên và giải quyết vấn đề nghỉ phép, nghỉ việc.

Theo dõi chăm công khen thưởng công nhân viên có thành tích tốt, phát huy các phong trào thi đua.

Xác định các mối quan hệ với chính quyền và địa phương.

**Phòng kế toán:** Là bộ phận công tác, điều hành và quản lý các khoản thu chi của Công ty theo quy định của Nhà Nước.

Thu nhập thông tin, kiểm tra tình hình sử dụng vốn, tài sản và kinh phí.

Ghi chép, tính toán đầy đủ các khoản thu chi do phát sinh và xác định kết quả kinh doanh.

Thực hiện các nghiệp vụ kế toán theo đúng các quy định kế toán của Nhà Nước.

Quản lý hoạt động tài chính của Công ty.

Thực hiện mọi nghiệp vụ kế toán và tính toán cân đối giá thành sản phẩm.

Tham mưu cho ban Giám Đốc công ty quản lý điều hành tài chính sau cho hiệu quả, đảm bảo mọi hoạt động kinh doanh của Công ty.

Lưu trữ và bảo toàn sổ sách, chứng từ liên quan đến toàn bộ hoạt động của Công Ty.

Trích nộp ngân sách Nhà Nước, thuế và sử dụng quỹ theo quy định của pháp luật.

**Phòng kỹ thuật:** Là năng lực áp dụng những phương pháp quá trình và kỹ thuật trong một lĩnh vực chuyên môn. Những kỹ năng này rất cần thiết đối với nhà nghiên cứu thị trường, chuyên viên kế toán và các lập trình viên vi tính.

Hiểu biết các hệ thống phần mềm và phần cứng của bộ phận máy vi tính.

Hỗ trợ và truyền đạt các thông tin cho khách hàng về vấn đề kỹ thuật.

Nắm vững các yêu cầu kỹ thuật khi làm việc với đối tác và khách hàng.

**Quản lý kho:** Có nhiệm vụ kiểm kê các số lượng, giá trị, hàng hóa xuất bán và nhập về..

Ngoài ra bộ phận quản lý kho còn phải kiểm kê những chi phí cho khách hàng (thuế, khấu hao, khấu hao hàng năm...).

Chi phí khai thác (tiền lương và bảo hiểm xã hội cho nhân viên kho, khấu hao hàng năm, các máy móc thiết bị ánh sáng...) và chi phí bảo dưỡng thiết bị.

Chi phí sụt giá hàng trong quá trình dũ trữ trong kho do lỗi thời liên quan đến những mặt hàng và do công nghệ tiến triển mạnh.

Sụt giá do hư hỏng, do những tai nạn khi chuyên chở.

Chi phí thiếu hàng: Là những thiệt hại do không đủ hàng trong kho, có thể chịu một khoản chi phí như là sự giảm giá về doanh số bán hàng và gây mất lòng tin đối với khách hàng

#### **2.1.3.3. Công tác quản lý hàng hóa của Công ty.**

Trong tháng hàng hóa mua về được nhập kho, được quản lý chặt chẽ về số lượng và chất lượng.

Kế toán căn cứ vào hóa đơn mua hàng để phát phiếu nhập kho chi tiết theo chỉ tiêu, số lượng, chủng loại, quy cách về sản phẩm, về giá cả nhập kho được căn cứ vào hóa đơn mua và được xác định ngay sau khi hàng hóa được bên giao bán cho.

#### **2.1.4. Tổ chức công tác kế toán trong Công ty.**

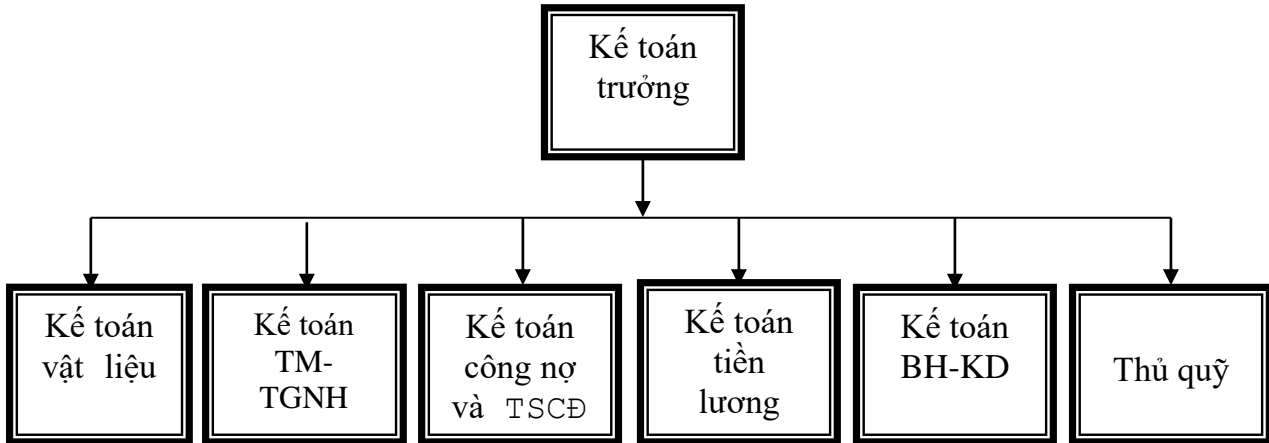
Là việc thực hiện các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, chế độ bảo quản, lưu trữ tài liệu cung cấp thông tin và các nhiệm vụ của kế toán.

Tổ chức bộ máy kế toán theo quy định tại điều 48 Nghị định số 128/2004/NĐ - CP, các đơn vị kế toán cấp dưới phải lập, nộp báo cáo tài chính quý, năm và nộp báo cáo quyết toán cho đơn vị kế toán cấp trên kho bạc Nhà Nước nơi đơn vị giao dịch để phối hợp kiểm tra đối chiếu, điều chỉnh số liệu kế toán liên quan đến thu chi ngân sách Nhà Nước và hoạt động nghiệp vụ chuyên môn.

Các đơn vị kế toán cấp trên có trách nhiệm kiểm tra, xét duyệt báo cáo quyết toán cho đơn vị cấp dưới và báo cáo tài chính, tổng hợp từ các báo cáo tài chính, các đơn vị trực thuộc.

**2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán**

**Sơ đồ 2.3: Sơ đồ bộ máy kế toán tại Công ty.**



**2.1.4.2. Chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận.**

**Kế toán trưởng:** Có nhiệm vụ giúp đỡ Giám Đốc công ty quản lý và điều hành tổ chức tài chính kế toán toàn công ty, có trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát hướng dẫn, chỉ đạo cán bộ kế toán dưới quyền thực hiện tốt công tác kế toán được giao đồng thời kế toán trưởng cũng là người phân tích về các kết quả hoạt động kinh doanh, đầu tư có hiệu quả và lập sổ báo cáo với ban lãnh đạo, cơ quan thuế.

**Kế toán vật liệu:** Có trách nhiệm quản lý các khoản nhập kho, xuất kho để ghi sổ và lập bảng tổng hợp các phiếu thu, chi và số tồn kho để thuận tiện cho việc lập báo cáo một cách chính xác.

**Kế toán TM - TGNH :** Kiểm tra các chứng từ ghi chép các khoản thu, chi và các chứng từ bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển..để kịp thời điều chỉnh các sai sót trong khi nhập và chi các số để lập báo cáo.

**Kế toán công nợ -TSCĐ:** Theo dõi phương pháp hạch toán quá trình thi công và nhiệm vụ các công trình lắp đặt, xây dựng, sửa chữa của Công ty.

Theo dõi kiểm tra các phần mềm máy vi tính và các tài sản vô hình có thể nhanh chóng bị lạc hậu về kỹ thuật.

**Kế toán tiền lương:** Theo dõi các tiền lương, ghi sổ và trích các khoản BHYT, BHXH, KPCĐ..Cho các nhân viên Công ty.



Kế toán tiền lương tại công ty: Lập bảng thanh toán tiền lương, lập chứng từ ghi sổ kế toán tiền lương, lương cơ bản, tiền thưởng và tiền tiền phụ cấp làm thêm ngoài giờ, điều phải ghi vào sổ đến cuối tháng, quý báo cáo cho kế toán trưởng.

**Kế toán bán hàng - kinh doanh:** Tổng hợp các chi phí, doanh thu bán hàng, tình hình phát sinh và thu thập các số liệu để xác định kết quả kinh doanh có hiệu quả vào mỗi quý, tháng hay cuối năm cho kế toán trưởng.

Ngoài ra bộ phận bán hàng còn có trách nhiệm giải thích những thắc mắc mà khách hàng khiếu nại lên cho bộ phận kinh doanh và đưa ra phương pháp giải quyết kịp thời, theo đúng đối tượng, nội dung cho phù hợp để tạo được thiện ý và tình cảm đối với khách hàng.

**Thủ quỹ:**

Thu chi tiền mặt theo phiếu thu phiếu chi.

Ghi chép vào sổ và báo cáo hàng ngày.

Do Giám Đốc chỉ định và chịu mọi trách nhiệm.

Không được nhờ người thay thế, nhờ người thay thế ủy quyền cho ai và phải có quyết định của Giám Đốc bằng văn bản.

Thủ quỹ có trách nhiệm quản lý, nhập quỹ và phải thường xuyên kiểm tra tiền trong quỹ, đối chiếu với các số liệu trong sổ kế toán và sổ quỹ để kịp thời tìm biện pháp xử lý.

Ngoài ra còn có bộ phận quản lý vốn:

Cần có kế hoạch sử dụng vốn cho phù hợp, tránh tình trạng vốn của Công ty bị chiếm dụng khá lớn, không đủ vốn để trang bị máy móc thiết bị.

Cần phát huy và nâng cao việc sử dụng vốn có hiệu quả hơn nữa để phục vụ nhu cầu hoạt động và hướng đầu tư phát triển trong tương lai, nâng cao lợi nhuận cho Công ty.

Kiểm tra đột xuất quỹ tiền mặt, đối chiếu giữa sổ sách và thực tế nhằm đảm bảo số tiền thu, chi phù hợp của Công ty.

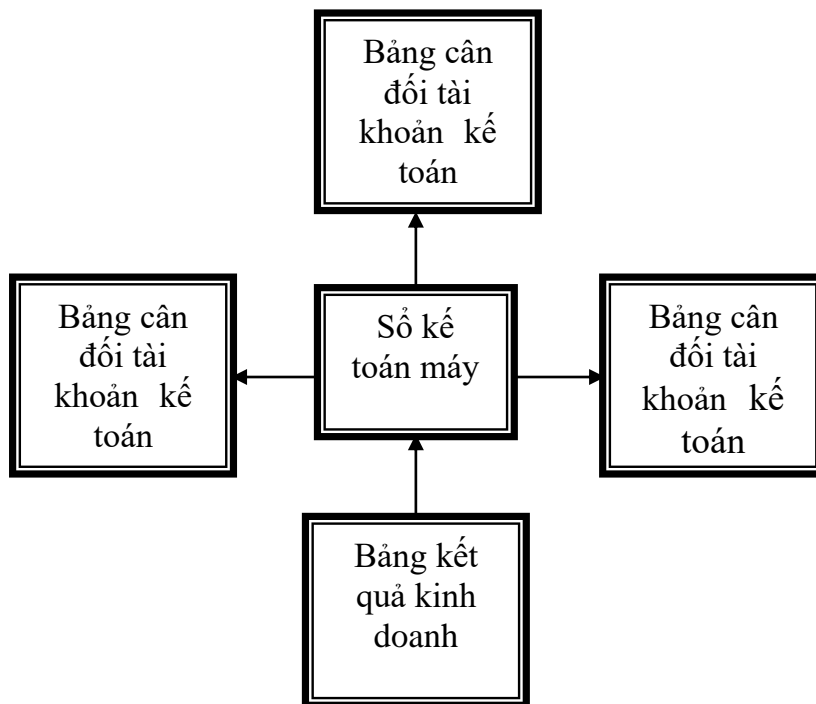
Không nên để số lượng tiền mặt quá lớn mà chỉ nên để một lượng tiền mặt vừa đủ để chi tiêu cho việc mua bán, số tiền còn lại gửi vào tài khoản ngân hàng của Công ty để tránh rủi ro xảy ra.

**2.1.4.3. Hệ thống thông tin kế toán.**

❖ **Mô hình bộ máy kế toán tập trung:**

Công ty áp dụng hình thức kế toán tập trung toàn bộ công việc xử lý thông tin trong các bộ phận và các đơn vị Công ty được thực hiện qua việc xuất kho, nhập kho và các khoản thu nhập khác. Để ghi vào chứng từ kế toán cung cấp các báo cáo

**Sơ đồ 2.4: Sơ đồ bộ máy kế toán tập trung.**



**2.1.4.4. Nhân sự kế toán .**

Nhân sự của phòng kế toán gồm 4 người :kế toán trưởng, 2 kế toán viên, thủ quỹ mỗi người đều có chức năng và nhiệm vụ riêng.

Kế toán trưởng: Phụ trách phần kế toán tổng hợp và báo cáo thuế, một kế toán viên phụ trách ghi hóa đơn và kế toán kho, kế toán viên còn lại thì theo dõi công nợ và kế toán vốn bằng tiền và công nợ.

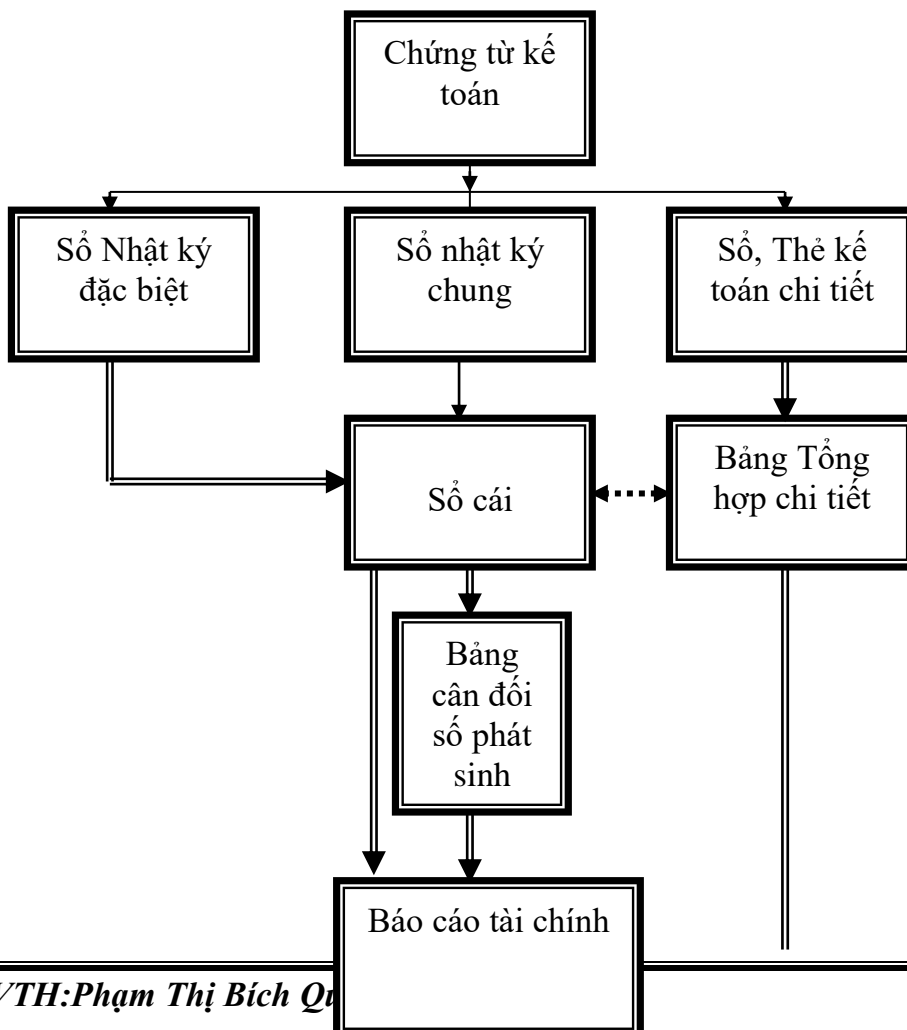
**2.1.4.5. Hình thức kế toán đang áp dụng:**

Công ty sử dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

Đơn vị tiền tệ sử dụng là Đồng Việt Nam

**a. Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty được thể hiện theo hình thức Nhật ký chung.**

**Sơ đồ 2.5: Sơ đồ hình thức hạch toán Nhật ký – Sổ cái**





**Ghi chú:**

- ▶ : Ghi hàng tháng ( định kỳ)
- =====▶ : Ghi vào cuối tháng
- ◀.....▶ : Đối chiếu ,kiểm tra.

Hạch toán kế toán trên máy vi tính. Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi vào sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản các nghiệp vụ kinh tế sau đó lấy số liệu trên sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái các nghiệp vụ có liên quan.

➤ ` Phương pháp kế toán hàng tồn kho:

- Chế độ kế toán :

Chế độ kế toán là những quy định và hướng dẫn về kế toán trong một lĩnh vực hoặc một số công việc cụ thể do cơ quan quản lý nhà nước về kế toán hoặc tổ chức được cơ quan quản lý nhà nước về kế toán ủy quyền ban hành.

Các Doanh nghiệp đều phải tuân thủ theo các chế độ kế toán đã quy định, việc áp dụng các chế độ kế toán này không chỉ nâng cao hiệu quả của bộ máy kế toán trong các Doanh nghiệp mà còn giúp nâng cao hiệu quả của công tác quản lý các hoạt động kinh tế tài chính ngày càng phức tạp, phong phú và đa dạng của nền kinh tế nói chung với tiến trình mở cửa, hội nhập nói riêng.

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Giá thực tế.
- Phương pháp xác định hàng tồn kho cuối kỳ : Bình quân gia quyền, cuối kỳ hoặc liên hoàn.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : kê khai thương xuyên.

➤ Phương pháp khấu hao TSCĐ:

- Khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng.

➤ Phương pháp nộp thuế GTGT:

- Nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

**b. Đặc điểm.**

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế đều căn cứ vào chứng từ gốc để ghi vào sổ nhật ký mà đại diện là sổ Nhật ký Chung. Sau đó số liệu từ sổ Nhật Ký Chung sẽ lần lượt ghi vào sổ Cái theo từng nghiệp vụ.

**c. Các loại sổ sử dụng:**

Sổ Nhật ký Chung là loại sổ kế toán tổng hợp dùng để ghi chép các nghiệp vụ toán phát sinh theo thứ tự thời gian có kết hợp phản ánh quan hệ đối ứng tài khoản của từng nghiệp vụ.

Sổ cái là loại sổ kế toán tổng hợp dùng để chép theo sự phân loại tài khoản cấp 1 mỗi sổ cái được mở theo dõi cho mỗi tài khoản. Thường dùng mẫu số đóng thành quyển trong đó mỗi tài khoản được bố trí ở vài trang số.

Các loại sổ, thẻ chi tiết được mở theo yêu cầu quản lý chi tiết của doanh nghiệp.

Ngoài ra để giảm số lần ghi sổ Nhật Ký Chung và sổ cái có thể sử dụng thêm các loại sổ Nhật Ký đặc biệt như:

- Sổ Nhật ký thu tiền.
- Sổ Nhật ký chi tiền.
- Sổ Nhật ký chi tiền.
- Sổ Nhật ký mua hàng.
- Sổ Nhật ký bán hàng.

**2.1.4.6. Tổ chức vận dụng các chế độ, phương pháp kế toán.****a. Tổ chức vận dụng các chế độ kế toán.**

Bộ máy kế toán theo hình thức tập chung.

Niên độ kế toán bắt đầu vào ngày 01-01 và kết thúc vào ngày 31-12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Việt Nam đồng (VND).

**Chế độ kế toán** : Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ –BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC.

Nộp thuế GTGT theo **phương pháp khấu trừ**.

**b. Phương pháp kế toán**

- **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** hàng tồn kho được tính theo giá gốc bao gồm chi phí thu mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại trừ dự phòng giảm giá.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho : **Phương pháp kê khai thường xuyên.**

Phương pháp hạch toán giá trị hàng tồn kho : phương pháp bình quân liên hoàn.

- **Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:** Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định: Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định : Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản.

Tỷ lệ khấu hao được áp dụng theo quy định tại quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm: giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

#### **2.1.4.7. Phương tiện phục vụ công tác kế toán.**

Ứng dụng tin học trong công tác kế toán.

Hệ thống xử lý các số liệu kế toán của công ty TNHH CNTH Minh Khôi tương đối hiện đại. Toàn bộ quy trình làm việc của phòng kế toán đều được tin học hóa và hiện tại công ty đang dùng chương trình tin học thông dụng Excel để hỗ trợ xử lý số liệu. Sau đây là quy trình nhập liệu của các kế toán viên.

Quy trình nhập liệu của các kế toán viên.

- Kế toán thanh toán : Hạch toán các nghiệp vụ phát sinh vào máy, cuối kỳ tổng hợp lập các sổ chi tiết, sổ quỹ, sổ tồn quỹ.
- Kế toán công nợ: Theo dõi và lập sổ nợ trên máy

Kế toán tổng hợp sẽ nhận các sổ này thông qua hệ thống máy liên thông trong toàn phòng kế toán để tiến hành lập báo cáo tài chính vào cuối niên độ kế toán

#### **2.1.5. Thuận lợi, khó khăn, phương hướng phát triển:**

##### **2.1.5.1. Thuận lợi**

Do công ty nằm ở ngay thành phố Cà Mau nên có nhiều thuận lợi, có đường giao thông nối liền với các tỉnh lân cận để vận chuyển trao đổi hàng hóa dịch vụ mở rộng thị trường.

Được sự quan tâm hỗ trợ rất nhiều của các cơ quan ban ngành trong tỉnh nên công ty có nhiều điều kiện để hoạt động.

Hiện nay công ty đã thu hút được rất nhiều nhà đầu tư trong công nghiệp lẫn dịch vụ đây là điều kiện thuận lợi cho công ty mở rộng thị trường, nâng cao doanh thu cũng như lợi nhuận

Bên cạnh đó công ty luôn có một đội ngũ quản lí kinh doanh giàu kinh nghiệm, chuyên môn cao, năng động, nhạy bén và có trách nhiệm, thường xuyên được bồi dưỡng nghiệp vụ cho phù hợp với những thay đổi của thị trường cũng là một điểm thuận lợi của công ty.

#### **2.1.5.2. Khó khăn.**

Lạm phát tăng cao cùng với lãi suất tiền vay cao gây khó khăn cho việc quản lí vốn kinh doanh của ban Giám Đốc.

Sự cạnh tranh chia sẻ thị trường từ các doanh nghiệp tư nhân và các doanh nghiệp liên doanh khác trong ngành đã tác động không nhỏ đến số lượng tiêu thụ của công ty.

Cơ sở hạ tầng có một số đã cũ cần được thay mới.

#### **2.1.5.3. Phương hướng phát triển.**

Để đáp ứng nhu cầu của thị trường, Công ty sẽ tìm nguồn hàng mới, đa dạng về mẫu mã và chất lượng cao, mặt khác duy trì những mặt hàng đã được người tiêu dùng ưa thích.

Mở rộng thị trường bán hàng hóa về các huyện trong tỉnh Bạc Liêu và các tỉnh lân cận.

Bổ sung nhân lực và các trang thiết bị cần thiết cho việc kinh doanh của doanh nghiệp.

Tổ chức lại bộ máy quản lí: kế toán, kinh doanh,.. Vì hiện nay còn mang tính kiêm nhiệm nhiều việc trên một nhân viên.

Dự kiến cuối năm 2013 doanh nghiệp sẽ tăng mức vốn điều lệ lên con số 7.000.000.000. tiền mặt.

### **2.2. Thực trạng công tác kế toán tại công ty TNHH Công Nghệ Tin Học Minh Khôi.**

#### **2.2.1. Thực trạng công tác kế toán thuế GTGT**

##### **2.2.1.1. Đặc điểm tổ chức công tác thuế GTGT**

Các mức thuế suất áp dụng: Mức thuế suất được áp dụng chủ yếu tại công ty TNHH Công Nghệ Tin Học Minh Khôi là 10%.

- Đối với hàng hoá, dịch vụ mua vào: Cước điện thoại, điện, dịch vụ bưu điện, bưu chính viễn thông và Internet...

- Đối với hàng hoá bán ra: Máy vi tính và các bộ phận của máy vi tính, máy in chuyên dùng cho máy vi tính, máy photocopy.

Tuy nhiên, theo Thông tư số 13/2009/TT-BTC của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện giảm thuế GTGT đối với một số hàng hoá, dịch vụ doanh nghiệp kinh doanh gặp khó khăn thì các mặt hàng này được giảm 50% mức thuế suất thuế GTGT.

**2.2.1.2 . Chứng từ sử dụng**

Công ty áp dụng tính thuế theo phương pháp khấu trừ do vậy Công ty thực hiện đầy đủ hoá đơn chứng từ theo quy định của Nhà nước:

- Hoá đơn GTGT mẫu số 01GTGT-3LL
- Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT .
- Bảng kê hoá đơn chứng từ của hàng hóa, dịch vụ mua vào (Mẫu số 01-2/GTGT); Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra (Mẫu số 01-1/GTGT)

**2.2.1.3 . Tài khoản sử dụng**

Công ty TNHH Công Nghệ Tin học Minh Khôi áp dụng phương pháp khấu trừ thuế GTGT nên công ty mở các tài khoản:

- TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ.
- TK 3331: Thuế GTGT phải nộp

**2.2.1.4. Một số nghiệp vụ phát sinh thuế GTGT .****a. Thuế GTGT đầu vào**

Khi mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất kinh doanh, căn cứ vào hoá đơn GTGT và các chứng từ gốc như phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng, phiếu nhập kho, kế toán các bộ phận liên quan tiến hành hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Trích một số nghiệp vụ liên quan đến thuế GTGT đầu vào trong tháng 01/2012 như sau:

(1) Ngày 02/10/2012 mua một TSCĐ hữu hình sử dụng ở bộ phận bán hàng, theo HĐ GTGT số 006, có giá mua 60.000.000đ, thuế GTGT 10%, tiền chưa thanh toán cho công ty X .

Nợ TK 211:	10.000.000
Nợ TK 133:	1.000.000
Có TK 331:	11.000.000

(2) Ngày 05/10/2012 mua 1 TSCĐ hữu hình sử dụng ở bộ phận quản lý doanh nghiệp, theo HĐ GTGT số 17, có giá mua là 150.000.000 đ, thuế GTGT 10%, tiền chưa thanh toán cho người bán T.



Nợ TK 211: 15.000.000  
Nợ TK 133: 1.500.000  
Có TK 331: 16.500.000

(3) Ngày 09/10/2012 mua 1 bộ máy tính sử dụng ngay ở bộ phận văn phòng, theo HĐ GTGT số 18, giá mua 5.500.000, trong đó VAT chiếm 10%, thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng. Thời gian sử dụng máy tính là 40 tháng.

Tài sản có thời gian sử dụng > 12 tháng là Tài sản cố định, cho vào TK 211 và trích khấu hao hàng tháng

Nợ TK 211(5): 14.000.000  
Nợ TK 133: 1.400.000  
Có TK 112: 15.400.000

(4) Ngày 10/11/2012 nhân viên thanh toán tạm ứng

- Hàng hóa nhập kho giá trên hóa đơn 8.800.000 đ, gồm thuế GTGT 800.000 đ.
- Chi phí vận chuyển hàng hóa 300.000 đ, thuế GTGT 30.000 đ.
- Số tiền mặt còn thừa nhập lại quỹ

Nợ TK 156: 9.100.000 = 8.800.000 + 300.000  
Nợ TK 133: 830.000 = 800.000 + 30.000  
Nợ TK 111: 70.000 = 10.000.000 - 9.930.000  
Có TK 141: 10.000.000

(5) Ngày 12/11/2012 mua quyền sử dụng đất 100.000.000 đ trả bằng TGNH, thuế chuyển quyền sử dụng đất phải nộp là 30.000.000 đ.

Nợ TK 211: 16.000.000  
Có TK 112: 16.000.000  
Nợ TK 211: 30.000.000  
Có TK 3337: 30.000.000

(6) Ngày 13/11/2011 nhập kho hàng hóa E mua chịu của Công ty X theo hóa đơn (GTGT) số 24, 10.500.000 đ (gồm thuế GTGT 5%).

Nợ TK 156: 11.000.000  
Nợ TK 133: 1.100.000  
Có TK 331 (X): 12.100.000

(7) Ngày 22/11/2012 chuyển khoản mua một xe sử dụng ở bộ phận quản lý doanh nghiệp có giá chưa thuế 296.000.000đ, thuế GTGT 10%, thời gian sử dụng 5 năm.

Nợ 211 TK: 9.000.000  
Nợ 133 TK: 2.000.000  
Có 112 TK: 22.000.000

(8) Ngày 24/12/2012 mua 1 bộ máy tính với giá mua 9.000.000 cho bộ phận bán hàng, trong đó VAT chiếm 10%, thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng. Thời gian sử dụng máy tính là 40 tháng.

Nợ TK 211(5): 9.000.000  
Nợ TK 133: 900.000  
Có TK 112: 9.900.000

(9) Ngày 27/12/2012 mua hàng hóa nhập kho 10.000.000đ, thuế GTGT tính 10%, , thuế GTGT tính 10%, đã trả bằng TGNH.

Nợ TK 156: 10.000.000  
Nợ TK 133: 1.000.000  
Có TK 112: 11.000.000

(10) Ngày 29/12/2011 nhận được hóa đơn (GTGT) số 34 của Công ty Thiên Long số tiền 5.500.000 (gồm thuế GTGT 500.000 đ). Công ty đã chấp nhận thanh toán nhưng hàng hóa vẫn chưa nhập kho.

Nợ TK 151: 61.721.700  
Nợ TK 133: : 6.172.170  
Có TK 331 (Thiên Long): 67.893.870

Công ty TNHH Công Nghệ Tin

Mẫu số 01-TT

Học Minh Khôi

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ

Địa chỉ: 121 Lý Thường Kiệt P6

BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng

CM

BTC

**SỔ CHI TIẾT THUẾ GTGT ĐẦU VÀO CỦA HÀNG HÓA, DỊCH VỤ**

TK 133

Quý 4 / 2012

Đơn vị tính: VNĐ

Số dư đầu kỳ: 6.000.000.000

Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu			Số phát sinh Nợ	Số phát sinh Có
02/10/2012	006	Mua một TSCĐ hữu hình sử dụng ở bộ phận bán hàn	331(X)	1.000.000	
05/10/2012	17	Mua một TSCĐ hữu hình sử dụng ở bộ phận quản lý doanh nghiệp.	331(T)	1.500.000	
09/10/2012	18	Mua một bộ máy tính sử dụng ngay ở bộ phận văn phòng .	112	1.400.000	
.....	.....	.....	.....	.....	.....
29/12/2012	34	Nhận được hóa đơn (GTGT) của Công ty Thiên Long	331(TL)	6.172.170	
		<b>Cộng số phát sinh</b>		15.582.170	

Công ty TNHH Công Nghệ Tin

Mẫu số 01-TT

Học Minh Khôi

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ

Địa chỉ: 121 Lý Thường Kiệt P6 CM

BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ CÁI**

Quý 4/ 2012

Tên tài khoản : 133

Đvt: VNĐ

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Trang NKC	Số hiệu tài khoản	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
	006	02/10	Mua một TSCĐ hữu hình sử dụng ở bộ phận bán hàng		331	1.000.000	
	15	05/10	Mua một TSCĐ hữu hình sử dụng ở bộ phận quản lý		331	15.000.000	
....	...	....	.....	....	....	.....	.....
	34	29/12	Nhận được hóa đơn (GTGT) của Công ty Thiên Long		331	6.172.170	
			<b>Tổng cộng</b>			15.582.170	15.582.170

**b. Thuế GTGT đầu ra**

Việc tiêu thụ sản phẩm của công ty không thông qua đại lý hay các cửa hàng bán lẻ mà tiêu thụ trực tiếp tại công ty. Khi phát sinh các khoản doanh thu, thu nhập khác, kế toán lập hoá đơn GTGT để ghi nhận doanh thu, thu nhập và phản ánh số thuế GTGT đầu ra tính trên doanh thu, thu nhập đó.

Trích một số nghiệp vụ liên quan đến thuế GTGT đầu ra trong tháng 01/2012 như sau:

(1) Ngày 03/10/2012 công ty bán cho khách hàng 4 bàn phím (keyboard), đơn giá 250.000đ/cái theo hóa đơn số 0046752, thuế suất thuế GTGT 10%, khách hàng A thanh toán bằng tiền mặt.

Nợ TK 111: 1.100.000

Có TK 511: 1.000.000

Có TK 3331: 100.000

(2) Ngày 06/10/2012, bán 3 USB 2G Transcend, đơn giá 220.000 đ, thuế suất thuế GTGT 10% theo hóa đơn số 0046754, khách hàng B trả bằng tiền mặt

Nợ TK 111: 726.000

Có TK 511: 660.000

Có 3331: 66.000

(3) Ngày 09/10/2012 bán 1 bộ loa Microlab, đơn giá 350.000 đ theo hóa đơn GTGT số 0046755, thuế suất thuế GTGT 10%, khách hàng C thanh toán bằng tiền mặt

Nợ TK 111: 385.000

Có TK 511: 350.000

Có TK 3331: 35.000

(4) Ngày 11/11/2012 bán hàng (Laptop Dell) giá bán chưa thuế 13.000.000, thuế suất 10%, tiền bán chưa thu.

Nợ TK 131: 14.300.000

Có TK 511: 13.000.000

Có TK 3331: 1.300.000

(5) Ngày 19/11/2012 Công ty bán thiết bị đang sử dụng ở bộ phận bán hàng theo HĐ GTGT số 0046757, có nguyên giá 24.000.000đ, đã hao mòn lũy kế 6.000.000đ,

thời gian sử dụng 2 năm. Chi phí tân trang trước khi bán 500.000đ, trả bằng tiền mặt. Giá bán chưa thuế 5.800.000đ, thuế GTGT 10%, đã thu bằng tiền mặt.

Nợ TK 214: 6.000.000  
Nợ TK 811: 18.000.000  
    Có TK 211: 24.000.000  
Nợ TK 811: 500.000  
    Có TK 111: 500.000  
Nợ TK 111: 6.380.000  
    Có TK 3331 :580.000  
    Có TK 711: 5.800.000

(6) Ngày 22/11/2012 Công ty bán một cái máy tính xách tay hiệu VAIO theo HĐ GTGT số 0046758 cho cô Lan, giá bán chưa thuế 13.000.000, thuế suất 10%, tiền bán chưa thu.

Nợ TK 131: 14.300.000  
    Có TK 511: 13.000.000  
    Có TK 3331: 1.300.000

(7) Ngày 23/12/2012 Công ty bán một Notebook Dell JOLJ74 theo HĐ GTGT số 0046759 cho khách hàng Minh, giá bán chưa thuế 12.000.000, thuế suất 10%, tiền bán chưa thu.

Nợ TK 131: 13.200.000  
    Có TK 511: 12.000.000  
    Có TK 3331: 1.200.000

(8) Ngày 27/12/2012 thu nhập bất thường 2.000.000, thuế suất tính 10% thu bằng tiền mặt.

Nợ TK 111	2.200.000
Có TK 711	2.000.000
Có TK 3331	200.000

(9) Ngày 28/12/2012 thu các khoản thu nhập khác bằng tiền gửi ngân hàng số tiền 4.730.000 đ, thuế suất 10%.

Nợ 112	4.730.000 đ
Có 711	4.300.000 đ

Có 3331 430.000 đ

(10) Ngày 29/12/2012 thu nhập tài chính 1.000.000đ, thuế suất tính 10% thu bằng TGNH.

Nợ TK 112: 1.100.000

Có TK 515: 1.000.000

Có TK 3331: 100.000





Công ty TNHH Công Nghệ Tin

Mẫu số 01-TT

Học Minh Khôi

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ

Địa chỉ: 121 Lý Thường Kiệt P6

BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng

CM

BTC

**SỔ CHI TIẾT THUẾ GTGT ĐẦU RA CỦA HÀNG HÓA, DỊCH VỤ**

TK 3331: Thuế GTGT phải nộp

Quý 4 / 2012

Đơn vị tính: VNĐ

Số dư đầu kỳ: 6.000.000.000

Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số			Số phát sinh Nợ	Số phát sinh Có
03/10	0046752	Thuế GTGT phải nộp khi Công ty bán cho khách hàng 4 bàn phím (keyboard)	111(A)		100.000
06/10	0046754	Thuế GTGT phải nộp khi bán 3 USB 2G Transcend	111 (B)		66.000
09/10	0046755	Thuế GTGT phải nộp khi Công ty bán một bộ loa Microlab	111 (C)		35.000
11/11	0046756	Thuế GTGT phải nộp khi bán hàng (Laptop DELL)	131 (D)		1.300.000
...	.....	.....	.....	.....	.....
29/12		Thuế phải nộp khi có thu nhập tài chính	112		430.000
		<b>Cộng số phát sinh</b>			17.349.570

Công ty TNHH Công Nghệ Tin

Mẫu số 01-TT

Học Minh Khôi

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ

Địa chỉ: 121 Lý Thường Kiệt P6

BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng

CM

BTC

**SỔ CÁI**

Tháng 1/2012

Tên tài khoản 3331

Đvt: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Trang NKC	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
03/10	0046752	03/10	Thuế GTGT phải nộp khi Công ty bán cho khách hàng 4 bàn phím (keyboard)		111		100.000
06/10	0046754	06/10	Thuế GTGT phải nộp khi bán 3 USD 3G Transcend		111		66.000
	...	....	.....	.....	.....	.....	.....
29/12		29/12	Thu nhập tài chính		112		
			<b>Tổng cộng</b>			17.349.570	17.349.570

**2.2.1.5. Sổ kế toán sử dụng**

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái TK 133, TK 3331
- Sổ chi tiết TK 133, TK 3331

**2.2.1.6. Báo cáo thuế GTGT**

Báo cáo thuế GTGT của công ty bao gồm: Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào (Mẫu số 01-2/GTGT); Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra (Mẫu số 01-1/GTGT) và Tờ khai thuế GTGT (Mẫu số 01/GTGT), các chứng từ này được ban hành theo Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14/06/2007 của Bộ tài chính.

Bên cạnh ta có một số trường hợp vấn đề về thuế sau đây:

1. Các khoản thu về bồi thường, tiền thưởng, tiền hỗ trợ nhận được sẽ không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT, trừ khoản lãi cho vay do doanh nghiệp không phải là tổ chức tín dụng nhận được.

2. Tài sản cố định đang sử dụng, đã thực hiện trích khấu hao khi điều chuyển theo giá trị ghi trên sổ sách kế toán giữa cơ sở kinh doanh và các đơn vị thành viên sẽ không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT.

3. Góp vốn bằng tài sản để thành lập doanh nghiệp sẽ không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT.

4. Tài sản cố định đang sử dụng, đã thực hiện trích khấu hao khi điều chuyển theo giá trị ghi trên sổ sách kế toán giữa cơ sở kinh doanh và các đơn vị thành viên sẽ không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT.

5. Góp vốn bằng tài sản để thành lập doanh nghiệp sẽ không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT.

6. Thu đòi người thứ 3 của hoạt động bảo hiểm sẽ không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT.

7. Thời điểm xác định thuế GTGT đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà để bán, chuyển nhượng hoặc cho thuê là thời điểm thu tiền theo tiến độ thực hiện dự án hoặc tiến độ thu tiền ghi trong hợp đồng. Căn cứ số tiền thu được, cơ sở kinh doanh thực hiện khai thuế GTGT đầu ra phát sinh trong kỳ.

8. Thời điểm xác định thuế GTGT đối với xây dựng, lắp đặt là thời điểm nghiệm thu, bàn giao công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

9. Thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, dịch vụ sử dụng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế GTGT thì chỉ được khấu trừ số thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT.

• Cơ sở kinh doanh không được tính khấu trừ thuế GTGT đầu vào trong trường hợp:

- Hoá đơn GTGT sử dụng không đúng quy định của pháp luật;
- Hoá đơn không ghi hoặc ghi không đúng một trong các chỉ tiêu như tên, địa chỉ, mã số thuế của người bán nên không xác định được người bán;
- Hoá đơn không ghi hoặc ghi không đúng một trong các chỉ tiêu như tên, địa chỉ, mã số thuế của người mua nên không xác định được người mua;
- Hóa đơn, chứng từ nộp thuế GTGT giả, hóa đơn bị tẩy xóa, hóa đơn không;
- Hóa đơn ghi giá trị không đúng giá trị thực tế của hàng hóa, dịch vụ mua, bán hoặc trao đổi. Các trường hợp được xem là thanh toán qua ngân hàng:

10. Tài sản cố định đang sử dụng, đã thực hiện trích khấu hao khi điều chuyển theo giá trị ghi trên sổ sách kế toán giữa cơ sở kinh doanh và các đơn vị thành viên sẽ không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT.

11. Góp vốn bằng tài sản để thành lập doanh nghiệp sẽ không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT.

12. Thu đòi người thứ 3 của hoạt động bảo hiểm sẽ không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT.

13. Thời điểm xác định thuế GTGT đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà để bán, chuyển nhượng hoặc cho thuê là thời điểm thu tiền theo tiến độ thực hiện dự án hoặc tiến độ thu tiền ghi trong hợp đồng. Căn cứ số tiền thu được, cơ sở kinh doanh thực hiện khai thuế GTGT đầu ra phát sinh trong kỳ.

14. Thời điểm xác định thuế GTGT đối với xây dựng, lắp đặt là thời điểm nghiệm thu, bàn giao công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

15. Thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, dịch vụ sử dụng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế GTGT thì chỉ được khấu trừ số thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT.

• Cơ sở kinh doanh không được tính khấu trừ thuế GTGT đầu vào trong trường hợp:

- Hoá đơn GTGT sử dụng không đúng quy định của pháp luật;
- Hoá đơn không ghi hoặc ghi không đúng một trong các chỉ tiêu như tên, địa chỉ, mã số thuế của người bán nên không xác định được người bán;
- Hoá đơn không ghi hoặc ghi không đúng một trong các chỉ tiêu như tên, địa chỉ, mã số thuế của người mua nên không xác định được người mua;
- Hóa đơn, chứng từ nộp thuế GTGT giả, hóa đơn bị tẩy xóa, hóa đơn khống;
- Hóa đơn ghi giá trị không đúng giá trị thực tế của hàng hóa, dịch vụ mua, bán hoặc trao đổi. Các trường hợp được xem là thanh toán qua ngân hàng:

**Biểu 2.1: Tờ khai thuế GTGT**

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**Mẫu số: 01/GTGT**

(Ban hành kèm theo Thông tư  
số 60/2007/TT-BTC ngày

**TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
(GTGT)**

14/06/2007 của BTC

[01] Kỳ tính thuế: Quý 4 năm 2012

[02] Người nộp thuế: Công ty TNHH Công Nghệ Tin Học Minh Khôi

[03] Mã số thuế : 2000431909

[04]: Địa chỉ: 121 Lý Thường Kiệt, Khóm 4, Phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

[05]: Quận/ huyện : [06] Tỉnh/ Thành phố: Cà Mau

[07]: Điện thoại : 07803.677.888

[08] Fax: 07803.677.788

[09] Email : minhkhoi@minhkhoi.vn

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu		Giá trị HHDV (chưa có thuế GTGT)		Thuế GTGT
A	Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ (đánh dấu "X")	[10]			
B	Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang			[11]	
C	Kê khai thuế GTGT phải nộp Ngân sách nhà nước				
I	Hàng hoá, dịch vụ (HHDV) mua vào				
1	Hàng hoá, dịch vụ mua vào trong kỳ ([12]= [14]+[16]; [13]= [15]+[17])	[12]	155.821.700	[13]	15.582.170
A	Hàng hoá, dịch vụ mua vào trong nước	[14]	155.821.700	[15]	15.582.170
B	Hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu	[16]		[17]	
2	Điều chỉnh thuế GTGT của HHDV mua vào các kỳ				

	trước				
A	Điều chỉnh tăng	[18]		[19]	
B	Điều chỉnh giảm	[20]		[21]	
3	Tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào ([22]= [13]+[19]-[21])			[22]	15.582.170
4	Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này			[23]	15.582.170
II	Hàng hoá, dịch vụ bán ra				
1	Hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ ([24]= [26]+[27]; [25]= [28])	[24]	173.495.700	[25]	17.349.570
1.1	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT	[26]			
1.2	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT ([27]= [29]+[30]+[32]; [28]= [31]+[33])	[27]	173.495.700	[28]	17.349.570
A	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%	[29]			
B	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5%	[30]		[31]	
C	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%	[32]	173.495.700	[33]	17.349.570
2	Điều chỉnh thuế GTGT của HHDV bán ra các kỳ trước				
A	Điều chỉnh tăng	[34]		[35]	
B	Điều chỉnh giảm	[36]		[37]	
3	Tổng doanh thu và thuế GTGT của HHDV bán ra ([38] = [24] + [34] - [36]; [39] = [25] + [35] - [37])	[38]	173.495.700	[39]	17.349.570
III	Xác định nghĩa vụ thuế GTGT phải nộp trong kỳ:				
1	Thuế GTGT phải nộp trong kỳ ([40] = [39] - [23] - [11])			[40]	1.767.400
2	Thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này ([41] = [39] - [23] - [11])			[41]	
2.1	Thuế GTGT đề nghị hoàn kỳ này			[42]	
2.2	Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau ([43] = [41] - [42])			[43]	

Tôi xin cam đoan số liệu trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./

*Ngày 10 tháng 02 năm 2012*

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

*Trần Minh Khôi*



**Nhận xét:** Công ty TNHH Công Nghệ Tin Học Minh Khôi đã lập và nộp báo cáo thuế GTGT hàng tháng theo đúng quy định của Nhà nước, theo đúng mẫu biểu và phương pháp lập đã được hướng dẫn. Số liệu trên báo cáo thuế là những thông tin rất quan trọng, đó là căn cứ để các cơ quan chức năng nắm bắt được tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước của công ty, đồng thời những số liệu này còn phục vụ cho các đối tượng có liên quan trong việc ra quyết định quản lý, đầu tư.

### **2.2.2. Thực trạng công tác kế toán thuế TNDN**

#### **2.2.2.1. Đặc điểm tổ chức công tác thuế.**

Thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế trực thu, vì vậy đối tượng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp là các doanh nghiệp, các nhà đầu tư thuộc các thành phần kinh tế khác nhau đồng thời cũng là người chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp hoặc các nhà đầu tư. Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế, nên chỉ khi các doanh nghiệp, các nhà đầu tư kinh doanh có lợi nhuận mới phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp

#### **2.2.2.2. Chứng từ sử dụng**

- Tờ khai thuế TNDN tạm tính (Mẫu số 01B/TNDN)
- Tờ khai quyết toán thuế TNDN (Mẫu số 03/TNDN)

Các chứng từ này đều được ban hành theo Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14/06/2007 của Bộ tài chính.

#### **2.2.2.3. Tài khoản sử dụng**

Kế toán thuế TNDN tại công ty TNHH Công Nghệ Tin Học Minh Khôi sử dụng 2 tài khoản sau:

- TK 3334: "Thuế thu nhập doanh nghiệp"
- TK 821: "Chi phí thuế TNDN"

#### **2.2.2.4. Thuế TNDN**

##### **Thuế TNDN quý 1/2012**

(1) Theo tờ khai thuế TNDN quý 1/2012, kế toán tại Công ty TNHH Công Nghệ Tin Học Minh Khôi xác định số thuế tạm nộp và nộp thuế TNDN, kê toán định khoản như sau:

Nợ TK 8211 59.000.000

Có TK 3334 59.000.000

(2) Căn cứ vào số thuế tạm nộp trên tờ khai thuế quý 1/2012, Công ty quyết toán bằng tiền mặt, kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 3334 59.000.000

Có TK 1111 59.000.000

(3) Căn cứ vào số thuế TNDN Công ty đã tự quyết toán, kế toán chuyển thuế TNDN hiện hành sang TK 911 để xác định kết quả, định khoản như sau:

Nợ TK 911 59.000.000

Có TK 8211 59.000.000

### ***Thuế TNDN quý 2/2012***

(1) Theo tờ khai thuế TNDN quý 2/2012, kế toán tại Công ty TNHH Công Nghệ Tin Học Minh Khôi xác định số thuế tạm nộp và nộp thuế TNDN, kê toán định khoản như sau:

Nợ TK 8211 70.000.000

Có TK 3334 70.000.000

(2) Căn cứ vào số thuế tạm nộp trên tờ khai thuế quý 2/2012, Công ty quyết toán bằng tiền mặt, kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 3334 70.000.000

Có TK 1111 70.000.000

(3) Căn cứ vào số thuế TNDN Công ty đã tự quyết toán, kế toán chuyển thuế TNDN hiện hành sang TK 911 để xác định kết quả, định khoản như sau:

Nợ TK 911 70.000.000

Có TK 8211 70.000.000

### ***Thuế TNDN quý 3/2012***

(1) Theo tờ khai thuế TNDN quý 3/2012, kế toán tại Công ty TNHH Công Nghệ Tin Học Minh Khôi xác định số thuế tạm nộp, kê toán định khoản như sau:

Nợ TK 8211 79.000.000

Có TK 3334 79.000.000

(2) Căn cứ vào số thuế tạm nộp trên tờ khai thuế quý 3/2012, Công ty quyết toán bằng tiền mặt, kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 3334 79.000.000

Có TK 111179.000.000

(3) Căn cứ vào số thuế TNDN Công ty đã tự quyết toán, kế toán chuyển thuế TNDN hiện hành sang TK 911 để xác định kết quả, định khoản như sau:

Nợ TK 911 79.000.000

Có TK 8211 79.000.000

### **Thuế TNDN quý 4/2012**

(1) Theo tờ khai thuế TNDN quý 4/2012, kế toán tại Công ty TNHH Công Nghệ Tin Học Minh Khôi xác định số thuế tạm nộp, kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 8211 68.000.000

Có TK 3334 68.000.000

(2) Căn cứ vào số thuế tạm nộp trên tờ khai thuế quý 4/2012, Công ty quyết toán bằng tiền mặt, kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 3334 68.000.000

Có TK 1111 68.000.000

(3) Căn cứ vào số thuế TNDN Công ty đã tự quyết toán, kế toán chuyển thuế TNDN hiện hành sang TK 911 để xác định kết quả, định khoản như sau:

Nợ TK 911 68.000.000

Có TK 8211 68.000.000

### **Bảng 2.1. BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2012**

Đvt: triệu đồng

<b>Năm</b> <b>Chỉ tiêu</b>	<b>2012</b>	<b>2011</b>	<b>2012</b>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	19.362	41.200	38.360
<b>Giá vốn hàng bán</b>	10.575	32.377	31.522
<b>Tổng chi phí bán hàng</b>	17.982	1.719	1.142
<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	1.352	1.719	1.142
<b>Thuế TNDN</b>	270	258	276
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	1.082	1.461	866

**2.2.2.5. Sổ kế toán sử dụng**

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái các TK 3334, TK 821
- Sổ chi tiết TK 3334, TK 821

**2.2.2.6. Báo cáo thuế TNDN**

Báo cáo thuế TNDN của công ty TNHH Công Nghệ Tin Học Minh Khôi bao gồm: Tờ khai thuế TNDN tạm tính (Mẫu số 01B/TNDN) và Tờ khai quyết toán thuế TNDN (Mẫu số 03/TNDN).

- Thủ tục cần thực hiện khi đến cơ quan thuế

**Thủ tục nộp thuế****- Trình tự thực hiện:**

+ Trường hợp người nộp thuế nộp bằng tiền mặt:

. Người nộp thuế đến nộp tiền trực tiếp tại Kho bạc Nhà nước. Kho bạc Nhà nước xác nhận trên chứng từ nộp thuế về số thuế đã thu.

. Người nộp thuế nộp bằng tiền mặt tại cơ quan thuế, ngân hàng, tổ chức tín dụng hoặc tổ chức, cá nhân được cơ quan thuế uỷ nhiệm thu thuế: các tổ chức, cá nhân khi nhận tiền thuế cấp cho người nộp thuế chứng từ thu tiền thuế theo đúng quy định của Bộ Tài chính.

+ Trường hợp nộp thuế bằng chuyển khoản:

. Người nộp thuế đến Kho bạc, Ngân hàng, tổ chức tín dụng nơi mở tài khoản thực hiện trích chuyển tiền từ tài khoản của người nộp thuế vào tài khoản của Kho bạc nhà nước.

. Kho bạc, Ngân hàng, tổ chức tín dụng thực hiện trích chuyển tiền từ tài khoản của người nộp thuế để thu ngân sách nhà nước xác nhận trên chứng từ nộp tiền thuế của người nộp thuế. Ngân hàng, tổ chức tín dụng phải phản ánh đầy đủ các nội dung của chứng từ nộp tiền thuế trên chứng từ phục hồi gửi Kho bạc Nhà nước nơi thu Ngân sách Nhà nước.

**- Cách thức thực hiện:**

Giấy nộp tiền vào NSNN được phát hành theo các hình thức: Đối tượng nộp NSNN tự in; KBNN in và cấp cho người nộp thuế khi đến nộp tiền tại KBNN; Ngân hàng, cơ quan được uỷ nhiệm thu in và cấp cho người nộp tiền. Người nộp thuế phải ghi đầy đủ, chi tiết các thông tin trên chứng từ nộp tiền thuế do Bộ Tài chính quy định.

**-Thành phần hồ sơ:**

+ Giấy nộp tiền vào NSNN mẫu C1-02/NS ban hành kèm theo Thông tư số 85/TT/BTC ngày 17/6/2011;

+ Giấy nộp tiền vào NSNN bằng ngoại tệ mẫu C1-03/NS ban hành kèm theo Thông tư số 85/TT/BTC ngày 17/6/2011;

+ Bảng kê nộp thuế mẫu số 01/BKNT ban hành kèm theo thông tư số 85/TT/BTC ngày 17/6/2011;

- **Số lượng hồ sơ:** 01 chứng từ.

**- Thời hạn giải quyết:**

Người nộp thuế tự nộp tiền thuế vào ngân sách nhà nước. Cơ quan thuế không phải trả kết quả.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Kho bạc Nhà nước; Cơ quan thuế nơi tiếp nhận hồ sơ khai thuế; Tổ chức, cá nhân được cơ quan thuế uỷ nhiệm thu thuế; Ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác và tổ chức dịch vụ theo quy định của pháp luật

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Không phải trả kết quả cho người nộp thuế.

- **Lệ phí (nếu có):** Không.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006.

+ Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/05/2007 của Chính phủ.

- + Nghị định số 106/2010/NĐ-CP ngày 28/10/2010 của Chính phủ.
- + Quyết định số 1027/QĐ-BTC ngày 19/05/2009 của Bộ Tài chính.
- + Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính.
- + Thông tư số 85/TT/BTC ngày 17/6/2011 của Bộ Tài chính

**Biểu 2.2: Tờ khai thuế TNDN tạm tính**

**Mẫu số: 01B/TNDN**  
 (Ban hành kèm theo Thông tư số  
 60/2007/TT-BTC ngày  
 14/06/2007 của Bộ Tài chính)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠM TÍNH**

*(Dành cho người nộp thuế khai theo tỷ lệ thu nhập chịu thuế trên doanh thu)*

- [01] **Kỳ tính thuế:** Quý I năm 2012
- [02] **Người nộp thuế:** Công ty TNHH Công nghệ Tin Học Minh Khôi
- [03] **Mã số thuế** : 2000431909
- [04] **Địa chỉ:** 121 Lý Thường Kiệt, Khóm 4, Phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
- [05] **Quận/huyện** :
- [06] **Tỉnh/Thành phố:** Cà Mau

*Đơn vị tiền: đồng Việt Nam*

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
<b>1</b>	<b>Doanh thu phát sinh trong kỳ</b>	<b>[10] 38.360.000.000</b>
<b>A</b>	<b>Doanh thu theo thuế suất chung</b>	<b>[11] 38.360.000.000</b>
B	Doanh thu của dự án theo thuế suất ưu đãi	[12]
2	Thuế suất	
A	Thuế suất chung (%)	[13] 25%
B	Thuế suất ưu đãi (%)	[14] -
<b>3</b>	<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b> <b>([15]= [16]+[17])</b>	<b>[15]</b>
A	Thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo thuế suất chung ([16]=[11] x [13])	[16]
B	Thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo thuế suất ưu đãi ([17]= [12]x[14])	[17] -
<b>4</b>	<b>Thuế TNDN phải nộp trong kỳ ([18]=[15])</b>	<b>[18] 276.000.000</b>

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai ./.

*Cà Mau , ngày 03 tháng 04 năm 2012*  
**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**  
**CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**  
**Trần Minh Khôi**

**Đơn vị: Công ty TNHH CNTH**

**Minh Khôi**

**Bộ phận: Phòng kế toán**

**Mẫu số: 02 - TT**

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-  
BTC)

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU CHI**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Quyển số: ....2.....

Số: .....34.....

Nợ: 3334

Có: 1111

**Họ và tên người nhận tiền:** Nguyễn Thị Tú

**Địa chỉ:** 121 Lý Thường Kiệt, Khóm 4, phường 6, Thành phố Cà Mau, tỉnh

CM

**Lý do chi:** .Tạm nộp thuế TNDN

**Số tiền:** 276.000.000.

( **viết bằng chữ**):Hai trăm bảy mươi sáu triệu việt nam đồng

Kèm theo: .....chứng từ gốc.

Ngày .31..tháng .12..năm ...2012

<b>Giám đốc</b>	<b>Kế toán</b>	<b>Thủ quỹ</b>	<b>Người lập</b>	<b>Người nhận</b>
(Ký, họ tên, đóng dấu)	<b>trưởng</b> (Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	<b>phiếu</b> (Ký, họ tên)	<b>tiền</b> (Ký, họ tên)
<b>Trần Minh Khôi</b>	<b>Nguyễn Thị Thu</b>	<b>Tô Thị Thu</b>	<b>Đặng Thu Thỏa</b>	<b>Nguyễn Thị Tú</b>

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Hai trăm bảy mươi sáu triệu việt nam đồng

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

.....

+ Số tiền quy đổi: .....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA  
NGƯỜI NỘP THUẾ  
Trần Minh Khôi**



**Nhận xét:** Công ty TNHH đã lập và nộp các tờ khai thuế TNDN theo đúng mẫu biểu, đúng thời hạn quy định của pháp luật. Kế toán trưởng của công ty luôn hướng dẫn các nhân viên kế toán về những điều được trình bày trong luật thuế TNDN, vận dụng các nguyên tắc kế toán đã được thừa nhận phù hợp với đặc điểm cụ thể của đơn vị để từ đó thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công ty đối với Nhà nước

**CHƯƠNG 3: NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ**

**3.1. Nhận xét về hoạt động của bộ máy kế toán tại Công ty**

**3.1.1. Nhận xét chung.**

**Bảng 3.1: Phân tích bảng báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty qua 3 năm 2010 – 2012**

*Bảng báo cáo kết quả kinh doanh*

*ĐVT: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm			Chênh lệch			
	2010	2011	2012	2011/2010		2012/2011	
	(trđ)	(trđ)	(trđ)	(trđ)	%	ST(tr)	%
<b>1.DT bán hàng và CCDV</b>	19.362	41.200	38.360	21.838	0.89	-2.840	-14.51
<b>4.Giá vốn hàng bán</b>	10.575	32.377	31.522	21.802	0.49	-0.855	-37.87
<b>7.Chi phí tài chính</b>	2.765	2.34	1.645	-0.425	-6.51	-0.695	-3.37
<b>8.Chi phí bán hàng</b>	1.479	1.802	1.560	0.323	4.58	-0.242	-7.45
<b>9.Chi phí QLDN</b>	2.906	2.410	2.100	-0.496	-5.86	-0.310	-7.77
<b>10.Lợi nhuận từ HĐKD</b>	1.007	641	921	-366	-36.35	280	2.29
<b>12.Chi phí khác</b>	285	552	391	267	1.07	-161	-3.43

<b>13.Lợi nhuận khác</b>	345	1078	221	733	0.47	-857	-1.26
<b>14.Tổng LNTT</b>	1.352	1.719	1.142	0.367	3.68	-0.577	-2.98
<b>15.Thuế TNDN</b>	270	258	276	-12	-22.50	18.000	14.33
<b>16.Lợi nhuận sau thuế</b>	1.082	1.461	866	0.379	2.85	-865	1

*(Nguồn :Phòng tài chính – kế toán)*

Qua bảng báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty có thể khái quát tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ, đồng thời nó phản ánh toàn bộ giá trị về sản phẩm, dịch vụ mà Công ty đã thực hiện được phần chi phí tương ứng phát sinh để tạo nên kết quả đó. Nhằm đánh giá khái quát kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty qua 3 năm 2010, 2011, 2012. Trước hết tiến hành so sánh một cách tổng quát kết quả kinh doanh giữa các kỳ, sau đó đi sâu phân tích các chỉ tiêu trong báo cáo nhằm đánh giá xu hướng biến động về hoạt động kinh doanh của Công ty như thế nào.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Qua 3 năm biến động không giống nhau, năm 2011 so với 2010 tăng 21.838 triệu đồng, tương ứng 0,89 %, năm 2012 so với 2011 giảm 2.840 trđ, tỷ lệ 14,5%. Doanh thu năm 2011, tăng là một điều đáng mừng, chứng tỏ Công ty tăng quy mô hoạt động, nâng cao chất lượng sản phẩm và đầu tư thêm thiết bị, dây chuyền công nghệ nên có sự cải tiến về quy trình sản xuất. Nhưng năm 2012, doanh thu lại giảm xuống là do 6 tháng cuối năm 2012, Công ty chuyển sang cổ phần cần phải chuẩn bị nhiều thứ cho việc cổ phần và cũng có nhiều sự thay đổi nên phần nào ảnh hưởng đến tình hình sản xuất, làm cho sản lượng sản xuất giảm dẫn đến doanh thu bán hàng giảm.

Giá vốn bán hàng: Ta thấy giá vốn hàng bán biến đổi cùng chiều với doanh thu, cho thấy giá vốn chịu ảnh hưởng trực tiếp của việc tăng hay giảm xuống của

mức độ kinh doanh. Mức độ thay đổi giá vốn hàng bán qua năm 2011 tăng 0,49 % so với năm 2010, 2012 giảm 37,87% so với 2011 là do:

-Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thay đổi ảnh hưởng đến chi phí giá vốn hàng bán.

-Sản lượng sản xuất thay đổi.

- Chi phí nhân công trực tiếp, lương nhân công trong Công ty cũng biến đổi.

-Chi phí sản xuất chung: Đặc điểm kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất sản phẩm, sản phẩm sau khi sản xuất sẽ được Công ty tiêu thụ qua hệ thống đại lý, nên chi phí sản xuất chung chiếm tỷ lệ cũng khá cao như chi phí quản lý.

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh: Ta thấy lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2011 là 641 trđ, giảm 366 trđ tương ứng 36,14% so với năm 2010 và lợi nhuận sau thuế thì tăng 0,379 trđ tương ứng 2,85%. Năm 2012, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng 280 trđ. So với năm 2011 còn lợi nhuận sau thuế thì lại giảm 865 trđ, tương ứng 1%. Ta có thể nói lợi nhuận hoạt động kinh doanh và lợi nhuận sau thuế biến động ngược chiều nhau. Lợi nhuận sau thuế có tăng, có giảm qua các năm nhìn chung vào 6 tháng cuối năm 2012 và cũng gặp nhiều khó khăn về việc huy động vốn. Điều này chứng tỏ, hoạt động kinh doanh của Công ty có chiều hướng tốt

### **3.1.1.1.Ưu điểm**

Công ty TNHH Công Nghệ Tin Học Minh Khôi là một Công ty hạch toán độc lập, tiến hành kinh doanh trên một thị trường khó tính nhưng Công ty đã trưởng thành rất nhiều cả về chiều rộng lẫn chiều sâu. Công tác quản lý nói chung và công tác kế toán nói riêng đã không ngừng được củng cố và hoàn thiện hơn.

Công ty đã nhanh chóng thích nghi được với cơ chế thị trường bằng việc khẩn trương tính giảm bộ máy quản lý gọn nhẹ, tiến hành định hướng và tổ chức lại mạng lưới kinh doanh hợp lý. Ngoài ra, Công ty còn chú trọng vào việc sắp xếp và tổ chức lại quy trình quản lý tại tổ các điểm thu mua của Công ty, rà soát lại các chức năng của các phòng ban, kết hợp xây dựng lại hệ thống định mức, quản lý chặt chẽ và tiết kiệm, giảm chi phí để nâng cao hiệu quả kinh doanh. Đời sống cán bộ công nhân viên trong Công ty từng bước được cải thiện. Công ty luôn hoàn thiện nghĩa vụ đối với Ngân sách nhà nước.

Cùng với sự lớn mạnh của Công ty, tổ chức bộ máy kế toán đã không ngừng hoàn thiện, cung cấp kịp thời những thông tin tài chính chính xác để tham mưu cho lãnh đạo Công ty đưa ra những quyết định đúng đắn, kịp thời trong công tác quản lý và điều hành hoạt động của Công ty.

Phòng kế toán của Công ty đã quan tâm bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ cho nhân viên kế toán ở phòng, ở cửa hàng và các điểm thu mua nhằm giúp các kế toán tổ chức tốt công tác chứng từ kế toán cũng như vận dụng các tài khoản kế toán. Hệ thống kế toán được lập đầy đủ, đúng chế độ, đảm bảo thông tin nhanh chóng chính xác, kịp thời để đáp ứng cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

### ***3.1.1.2. Nhược điểm ảnh hưởng đến tình hình doanh thu, chi phí, lợi nhuận***

Trong công tác tiêu thụ hàng hóa, Công ty chưa áp dụng việc thường bán hàng có giảm giá chiết khấu cho khách hàng. Đây là một nguyên nhân làm ảnh hưởng đến hiệu quả của việc tiêu thụ hàng hóa, nhất là trong điều kiện cạnh tranh trên thị trường gay gắt như hiện nay.

Về công tác kế toán hàng tồn kho giảm giá và các khoản phải thu khó đòi. Hiện nay, Công ty chưa có quỹ dự phòng cho công tác kế toán này. Quỹ dự phòng nếu được lập sẽ làm tăng chi phí và giảm thiệt hại xuống mức thấp.

Về phương thức bán hàng. Hiện nay, hình thức bán hàng của Công ty chủ yếu là bán lẻ, giao cho các đại lý, công ty khác phục vụ nhu cầu tiêu dùng nhân dân là chính. Do đó doanh thu bán hàng có phần bị giới hạn. Vì vậy, Công ty nên mở rộng thị trường tiêu thụ, đa dạng hóa các loại hình bán hàng cho nên phòng kinh doanh nên có kế hoạch xúc tiến thị trường và tìm hiểu khách hàng.

### ***3.1.2. Nhận xét công tác kế toán thuế***

#### ***3.1.2.1. Về hình thức kế toán toàn Công ty đang sử dụng.***

Hình thức kế toán chính là hệ thống sổ kế toán sử dụng để ghi chép, hệ thống hóa và tổng hợp số liệu chứng từ gốc theo một trình tự và phương pháp ghi chép nhất định.

#### ***❖ Về hệ thống tài khoản kế toán***

Công ty sử dụng hệ thống tài khoản theo quyết định 48/2006/QĐ – BTC ban hành ngày 14/09/2006. Để phục vụ nhu cầu quản lý, công ty mở các tài khoản chi tiết như: TK 5111, TK 133, TK 1561, TK 2141, TK 3331, ... tạo thuận lợi cho quá trình

theo dõi và hạch toán. Các tài khoản công ty sử dụng thống nhất trong nhiều kỳ kế toán, tuân thủ nguyên tắc nhất quán (VAS 01 - Chuẩn mực kế toán Việt Nam).

Hiện nay Công ty đang vận dụng hình thức sổ nhật ký chung với hình thức này, Công ty đã tổ chức hệ thống sổ tổng hợp, phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác những nghiệp vụ kinh tế phát sinh được cập nhật ở sổ chi tiết. Hiện nay, Công ty đã sử dụng kế toán máy để tiết kiệm chi phí khi ghi các sổ chi tiết.

Việc hạch toán của Công ty chủ yếu vẫn dựa vào thủ công, không áp dụng kế toán máy trong hạch toán kế toán nên công việc ghi sổ rất vất vả.

Đối với hạch toán thuế TNDN.

Đây là khoản thuế xác định sự phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty nhưng việc hạch toán không thường xuyên chủ yếu là vào cuối năm tài chính sau khi đã xác định được cơ bản kết quả kinh doanh và quyết toán báo cáo tài chính. Trong năm Công ty chỉ hạch toán tạm nộp dựa trên kết quả tạm tính từ đầu năm, chưa có sự điều chỉnh với từng giai đoạn trong năm.

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên, công tác kế toán kế toán thuế GTGT và thuế TNDN tại công ty cũng còn tồn tại một số hạn chế cần khắc phục và hoàn thiện nhằm đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu quản lý trong điều kiện hiện nay.

#### **❖ Hạn chế**

- Về tổ chức bộ máy kế toán: Kế toán thuế là một phần hành rất quan trọng trong công tác kế toán của bất kỳ doanh nghiệp nào, tuy nhiên, hiện nay công ty vẫn chưa có một kế toán độc lập phụ trách mảng thuế, kế toán tổng hợp kiêm luôn kế toán về thuế dẫn đến việc theo dõi chặt chẽ là hết sức khó khăn và không khách quan. Theo em, việc tổ chức bộ máy kế toán như hiện nay là chưa thực sự hợp lý.

- Về sổ sách kế toán:

Thứ nhất, mặc dù TK 133 có 2 TK cấp 2 là 1331 – “Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ” và TK 1332 – “Thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ” nhưng kế toán công ty chỉ theo dõi chung trên sổ chi tiết TK 133, không tách biệt rõ ràng hai khoản thuế này.

Thứ hai, tất cả các nghiệp vụ đều được phản ánh vào sổ Nhật ký chung, như vậy khối lượng ghi chép là rất lớn, có thể gây khó khăn cho việc theo dõi.

- Về chứng từ kế toán: Đối với thuế TNDN, hiện nay công ty kê khai thuế TNDN tạm tính theo mẫu số 01B/TNDN. Tờ khai này áp dụng đối với người nộp thuế kê khai thuế TNDN theo tỷ lệ thu nhập chịu thuế trên tổng doanh thu của năm trước, nghĩa là trường hợp người nộp thuế không kê khai được các chi phí thực tế phát sinh trong kỳ tính thuế. Trong khi đó, công ty vẫn kê khai được các chi phí thực tế phát sinh trong kỳ tính thuế. Vì vậy, theo em việc áp dụng tờ khai thuế TNDN theo mẫu số 01B/TNDN là chưa phù hợp với tình hình của công ty, mặt khác, trong trường hợp năm trước lập tờ khai quyết toán thuế TNDN không phát sinh thu nhập chịu thuế (lỗ) thì công ty không có căn cứ để lập tờ khai theo mẫu số này.

- Về việc quản lý và sử dụng hóa đơn GTGT:

Đối với các nghiệp vụ mua hàng: Trong quá trình hoạt động kinh doanh, công ty có giao dịch với một số đối tác ngoại tỉnh, nghĩa là cách xa về khoảng cách địa lý, khi có nhu cầu mua hàng của các đối tác này, công ty thường đặt hàng qua email và nhà cung cấp sẽ có trách nhiệm giao hàng tận nơi cho công ty. Do vậy, việc nhận hóa đơn tại nơi xuất hàng là không thể mà công ty sẽ nhận hóa đơn do người bán mang đến. Điều này có thể dẫn tới việc công ty dễ bị nhận hóa đơn giả hoặc ghi sai thông tin từ phía nhà cung cấp nếu như không xem xét kỹ các hóa đơn này khi nhận.

Đối với các nghiệp vụ bán hàng: Khách hàng của công ty là các đơn vị, tổ chức hoặc các cá nhân tự do (ví dụ như giáo viên, sinh viên...). Đối với các cá nhân tự do, họ thường mua các mặt hàng của công ty để phục vụ cho nhu cầu của bản thân, thông thường họ cho rằng việc nhận hóa đơn đối với mình là không cần thiết nên trong một vài trường hợp công ty không xuất hóa đơn cho các đối tượng khách hàng này nếu họ không có nhu cầu; hoặc có xuất hóa đơn nhưng không có đầy đủ chữ ký của người mua hàng làm cho các hóa đơn này không đủ điều kiện để trở thành hóa đơn hợp lệ, do đó sẽ làm giảm số thuế GTGT đầu ra và giảm khoản phải nộp cho Ngân sách nhà nước.

Đôi khi, do sự bất cẩn của nhân viên, trong quá trình lập hóa đơn có thể bị sai sót về giá bán, mức thuế suất hoặc số tiền tổng cộng.

Khi đi mua hóa đơn: Khi cử nhân viên đi mua hóa đơn, doanh nghiệp có viết giấy giới thiệu nhưng không ghi rõ mục đích đến cơ quan thuế để mua hóa đơn mà

chỉ ghi chung chung là đến liên hệ công tác; đôi khi công ty còn cử người không hiểu biết về hóa đơn chứng từ đi mua hóa đơn (như nhân viên trực điện thoại hay tạp vụ).

- Về việc kiểm soát các chi phí hợp lý: Trong những năm gần đây, doanh thu của công ty có tăng lên đáng kể nhưng khi so sánh theo chỉ tiêu lợi nhuận kế toán thì sự gia tăng này không hề lớn (Năm 2008 so với năm 2007, tổng doanh thu tăng 930.586.000 đ nhưng lợi nhuận kế toán chỉ tăng 15.861.195 đ). Nguyên nhân là do các khoản chi phí cũng tăng cao. Mặc dù công ty đã lập định mức chi phí cho từng kỳ kinh doanh nhưng việc thực hiện không mang lại hiệu quả cao khi chi phí thực tế phát sinh nhiều hơn kế hoạch.

Thứ nhất là do sự phát triển của khoa học kỹ thuật đã cho ra đời những sản phẩm công nghệ ngày càng hoàn thiện hơn hình thức, chất lượng cũng như tính năng sử dụng đã làm cho giá cả của các mặt hàng thuộc lĩnh vực kinh doanh của công ty có nhiều biến động trên thị trường.

Thứ hai, đối với các khoản chi phí tiếp khách, công ty không quy định mức chi cụ thể mà chỉ ghi nhận chi phí theo hóa đơn thanh toán. Điều này có thể làm cho người đi tiếp khách sẽ không hạn chế mức chi do không có giới hạn quy định.

Thứ ba, đối với các khoản chi phí như điện thoại, internet, vẫn còn tình trạng một số nhân viên sử dụng các dịch vụ này cho mục đích riêng của mình, làm tăng chi phí của công ty.

Trên đây là một số tồn tại trước mắt, để đạt được kết quả cao hơn trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán thuế GTGT và thuế TNDN nói riêng, công ty cần có những biện pháp hợp lý để khắc phục những tồn tại nêu trên nhằm hoàn thiện công tác thuế GTGT và thuế TNDN, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, giúp công ty ngày càng vững mạnh và hòa nhịp với sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam.

### ***3.1.2.2 .Cách thức tổ chức quản lý các cán bộ công nhân viên trong Công ty.***

Cách thức tổ chức quản lý các cán bộ công nhân viên của Công ty như sau



Phòng tổ chức hành chính: Một trưởng phòng và những người có liên quan đến giao dịch làm nhiệm vụ đón tiếp và giao dịch với khách hàng đến Công ty và các quan hệ kinh tế khác trong việc kinh doanh.

Phòng kế toán: Gồm kế toán trưởng của Công ty và các kế toán viên. Kế toán trưởng làm nhiệm vụ tham mưu giúp Giám đốc trong công việc trực tiếp quản lý các chứng từ, sổ sách, tổ chức hạch toán thu chi, lập quyết toán Công ty sử dụng để trình lên Ban Giám đốc xác định số đã sử dụng, số chưa sử dụng và số còn phải sử dụng. Còn lại là các kế toán viên phụ trách từng phần hạch toán kế toán khác nhau.

Với cách thức tổ chức quản lý như trên của Công ty, đã thấy rõ hiệu quả trong việc sử dụng nhân sự quả kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty ngày càng làm ăn tốt. Cách tổ chức quản lý nhân sự như vậy rất phù hợp với quy mô và hình thức kinh doanh của Công ty.

Về vấn đề tổ chức nhân sự tại Công ty, bản thân tôi thấy phù hợp với Công ty, được tổ chức một cách hợp lý với chức năng và nhiệm vụ của các cán bộ công nhân viên trong Công ty. Công ty nên duy trì cách thức nhân sự này nhằm đẩy mạnh hơn hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm đem lại lợi nhuận cao nhất.

❖ **Mặc hạn chế**

Trình độ của cán bộ, nhân viên trong phòng kế toán nhìn chung khá cao nhưng hầu hết là những người còn trẻ chưa có nhiều kinh nghiệm nghề nghiệp nên việc xử lý số liệu còn chậm và có khi còn mắc sai sót.

**3.1.2.3. Phương pháp tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách**

Công ty sử dụng các hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách một cách có hiệu quả. Tuy nhiên, một số còn chưa ghi chi tiết cho từng đối tượng theo dõi. Công ty cần chú ý đến đầy đủ hơn các thông tin quy định ghi trong các mẫu sổ sách cho Bộ tài chính ban hành

❖ **Hạn chế**

Việc luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban còn chậm.

❖ **Khắc phục**

Để khắc phục các cán bộ kế toán trên công ty cần phải thường xuyên đôn đốc việc luân chuyển chứng từ tới bộ phận kế toán để xử lý, phản ánh kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh: như đôn đốc nhân viên bán hàng gửi hóa đơn, chứng từ

đúng thời hạn, đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho việc hạch toán tổng hợp và chi tiết. Công tác hạch toán ban đầu có tốt thì mới tạo điều kiện cho các khâu tiếp theo nhằm xác định được kết quả kinh doanh một cách nhanh chóng và chính xác nhất, tránh những sai sót không đáng có gây mất thời gian và chi phí của doanh nghiệp.

#### **3.1.2.4. Phương pháp hạch toán và phân tích các chỉ tiêu kinh tế.**

Công ty đã sử dụng hệ thống tài khoản và các chỉ tiêu kinh tế, cách kinh doanh và theo quy tắc mà Bộ Tài Chính ban hành

❖ **Nhược điểm tài khoản kế toán**

Tài khoản 133 “thuế GTGT đầu vào được khấu trừ” tên gọi cách thức hạch toán của tài khoản này không hợp lý bởi vì không phải tất cả số phát sinh bên nợ tài khoản 133 đều được khấu trừ. Chẳng hạn, hàng hóa mua vào để bán ra không chịu thuế GTGT thì phần thuế đầu vào này không được khấu trừ mà được tính vào giá vốn hàng bán. Song khi mua hàng hóa, thiết bị phần thuế này vẫn được hạch toán vào tài khoản 133 “thuế GTGT được khấu trừ”

❖ **Khắc phục:**

Công ty có thể đổi tên tài khoản 133 thành “thuế GTGT đầu vào” chi tiết

TK 1331 :Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ.

TK 1332: Thuế GTGT đầu vào chờ phân bổ.

Sau đó chi tiết thành các tiểu khoản: Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ (chờ phân bổ) của hàng hóa, dịch vụ. Do đó, có thể thay đổi phương pháp hạch toán trên tài khoản này như sau:

- Khi mua hàng hóa, dịch vụ
  - Nợ 156...( giá mua chưa có thuế)
  - Nợ 1332...(Thuế GTGT chờ phân bổ)
  - Có 331,111....(Tổng giá thanh toán)
- Khi có căn cứ phân bổ
  - Nợ 1331 (Thuế GTGT được khấu trừ)
  - Nợ 153...(phần thuế không được khấu trừ)
  - Có 1332..(thuế GTGT chờ phân bổ)
- Kết chuyển
  - Nợ 3331 ( thuế GTGT phải nộp)

Có 1331 (Thuế GTGT được khấu trừ)

### **3.1.2.5. Công tác kiểm soát nội bộ**

#### **➤ Nhược điểm**

Chưa có sự thống nhất và phối hợp lẫn nhau giữa các đơn vị trong việc ban hành quy trình, quy chế.

Ban kiểm soát về thực chất vẫn chưa có được sự độc lập tương đối với bộ phận được kiểm tra.

Sự phân cấp, phân quyền giữa các cấp đã có nhưng trong quá trình thực hiện thường xuyên có sự thay đổi làm cho các cấp còn nhiều bị động trong việc thực hiện.

Chưa lập được báo cáo tài chính hợp nhất cho toàn tổng công ty (bao gồm công ty mẹ và các công ty con).

Việc song song tồn tại bộ phận KTKSNB chuyên trách và KTNB có những chức năng và nhiệm vụ trùng nhau dễ bị chồng chéo gây lãng phí nguồn lực, kém hiệu quả.

### **3.2. Những ý kiến nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán trong Công ty.**

#### **➤ Kiến nghị**

*Thứ nhất, về tổ chức bộ máy kế toán:* Công ty nên bố trí một nhân viên kế toán chỉ chuyên theo dõi thuế, còn mảng kế toán tiền mặt mà nhân viên này đang kiêm nhiệm nên giao cho người khác theo dõi, bởi vì đây là công ty thương mại, nghiệp vụ mua - bán phát sinh nhiều, do vậy khối lượng công việc về thuế, đặc biệt là thuế GTGT cũng rất nhiều, để việc kê khai thuế hàng tháng và cập nhật thông tin về thuế thực sự nhanh thì công ty nên có một kế toán đảm nhận riêng phần hành kế toán thuế.

*Thứ hai, về tổ chức sổ kế toán:*

- Đối với sổ chi tiết TK 133, công ty nên mở thành 2 sổ chi tiết theo nội dung của tài khoản cấp 2, đó là:

+Sổ chi tiết tài khoản 1331 - Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ

+Sổ chi tiết tài khoản 1332 - Thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ

Việc mở sổ chi tiết đối với 2 tài khoản này sẽ giúp nhân viên kế toán thuận tiện hơn trong việc theo dõi số thuế GTGT đầu vào.

- Bên cạnh đó, công ty nên mở thêm một sổ Nhật ký chuyên dùng để theo dõi một số loại nghiệp vụ chủ yếu như mua hàng, bán hàng, chi tiền, thu tiền, để cuối tháng kế toán thuế có thể lấy số liệu tổng hợp từ các Nhật ký chuyên dùng đó để đối chiếu số liệu đã tổng hợp được trên các sổ chi tiết.

*Thứ ba, về chứng từ kế toán:* Để phù hợp hơn với công tác kế toán và phản ánh đúng hơn khoản thuế TNDN tạm nộp cũng như chi phí thuế TNDN hiện hành của kỳ tính thuế, công ty nên kê khai thuế TNDN tạm tính theo mẫu số 01A/TNDN, tờ khai này được áp dụng đối với người nộp thuế kê khai thuế TNDN theo thu nhập chịu thuế phát sinh.

*Thứ tư, về việc ứng dụng công nghệ thông tin:* Hiện nay công ty TNHH Công nghệ Tin Học Minh Khôi đã ứng dụng tin học vào hạch toán kế toán. Tuy nhiên, việc hạch toán được thực hiện chủ yếu trên Excel nên đôi khi có thể bị sai lệch trong công thức tính toán, dẫn đến kết quả sai và báo cáo không chính xác. Do vậy, công ty nên sử dụng phần mềm kế toán, đặc biệt là phần mềm kê khai thuế để có thể giảm bớt khối lượng công việc, thời gian cho nhân viên và làm tăng độ chính xác của thông tin kế toán.

*Thứ năm:* Tăng cường công tác quản lý trong công tác kế toán nói chung và kế toán thuế nói riêng bằng cách giao nhiệm vụ cho kế toán trưởng thường xuyên kiểm tra, giám sát và đôn đốc mọi hoạt động của các phân hành kế toán nhằm phát hiện kịp thời và từng bước điều chỉnh những thiếu sót.

### ***3.3. Giải pháp hoàn thiện công tác kế toán thuế.***

Qua thời gian thực tập tại công ty TNHH Công Nghệ Tin Học Minh Khôi, được tìm hiểu hoạt động kinh doanh và công tác kế toán, đi sâu vào nghiên cứu công tác kế toán thuế nói chung và thuế GTGT cùng với thuế TNDN nói riêng, em nhận thấy bên cạnh những ưu điểm đạt được, công ty cũng còn một số hạn chế cần khắc phục để việc tổ chức công tác kế toán ngày càng có hiệu quả.

Để hoàn thiện hơn công tác kế toán thuế, trên cơ sở thực tiễn tại công ty cùng với những kiến thức đã được học, em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến đóng góp như sau:

**3.3.1. Xây dựng một quy trình quản lý và kiểm soát tại công ty về thuế GTGT****(1) Lập hóa đơn chính xác**

- Rủi ro: Trong quá trình bán hàng, nhân viên lập hoá đơn có thể quên lập một số hoá đơn cho hàng hoá đã giao, lập sai hoá đơn (về giá bán, mức thuế suất, số tiền tổng cộng...) hoặc lập một hoá đơn thành hai lần, hoặc lập hoá đơn không trong khi thực tế không giao hàng.

- Giải pháp:

+ Hóa đơn chỉ nên lập căn cứ vào:

Phiếu giao hàng đã được khách hàng ký nhận

Đơn đặt hàng đã được đối chiếu với phiếu giao hàng

Hợp đồng giao hàng (nếu có).

+ Công ty nên ghi lại trên hóa đơn hoặc sổ sách kế toán số tham chiếu đến phiếu giao hàng hoặc mã số đơn đặt hàng để giúp kiểm tra tham chiếu.

+ Công ty nên sử dụng một danh sách giá bán đã được phê duyệt để giúp cho việc ghi chính xác trên hóa đơn.

+ Kiểm tra lại việc tính toán trên hóa đơn trước khi giao cho khách hàng.

+ Giao cho một nhân viên độc lập (ví dụ như kiểm toán nội bộ) tiến hành kiểm tra giá bán và việc cộng trừ trên hóa đơn một cách ngẫu nhiên hoặc đối với những hóa đơn vượt quá một giá trị nhất định.

**(2) Ngăn ngừa hóa đơn GTGT giả, gian lận, nhà cung cấp ghi hóa đơn sai thông tin**

- Rủi ro: Nhà cung cấp có thể phát hành hóa đơn giả hoặc gửi hóa đơn ghi sai về số lượng, giá trị.

- Giải pháp:

+ Khi nhận được hóa đơn của nhà cung cấp, kế toán nên kiểm tra các chi tiết của hóa đơn so với đơn đặt hàng và biên bản giao nhận hàng (về số lượng, giá cả) nhằm phát hiện kịp thời những thông tin ghi sai trên hóa đơn (nếu có).

+ Công ty nên đánh số thứ tự đối với những hóa đơn nhận từ nhà cung cấp để thuận tiện cho việc kiểm tra tính liên tục của hóa đơn và có thể giúp xác định việc tất cả các hóa đơn đã nhận được đã được hạch toán.

+ Công ty có thể đóng dấu lên hóa đơn và ghi rõ số tham chiếu của đơn đặt hàng, biên bản giao nhận hàng và nên lưu giữ chung các chứng từ này. Việc này sẽ giúp ích cho quá trình kiểm tra chứng từ và cũng là căn cứ để chứng minh rằng tất cả các hóa đơn mà công ty nhận được đều liên quan đến những giao dịch mua hàng hợp lệ và nhận đúng hàng.

*(3) Mối quan hệ giữa số liệu kế toán và tờ khai thuế GTGT*

- Rủi ro: Có thể xảy ra sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán và Tờ khai thuế GTGT.

- Giải pháp:

+ Khi nhận hóa đơn từ phía nhà cung cấp hoặc phát hành hóa đơn GTGT, việc kê khai vào Bảng kê hóa đơn chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào hoặc Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa dịch vụ bán ra phải được tiến hành đồng thời với việc hạch toán vào sổ sách kế toán.

+ Kiểm tra giữa tờ khai và các số liệu về thuế GTGT đầu ra, đầu vào phát sinh trong tháng để đảm bảo tính chính xác và thống nhất trước khi nộp tờ khai.

**3.3.2. Xây dựng một quy trình quản lý và kiểm soát tại công ty về thuế TNDN**

Sự khác nhau giữa quy định của kế toán và quy định của thuế đã tạo ra sự chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế. Có những mâu thuẫn xảy ra trong quá trình phân phối lợi nhuận, về phía Nhà nước thì thu được càng nhiều thuế càng tốt, còn về phía doanh nghiệp thì ngược lại. Để dung hòa giữa lợi ích của công ty và lợi ích của cơ quan thuế, công ty cần có những biện pháp quản lý chi phí hợp lý, hạn chế các chi phí không hợp lý phát sinh trong kỳ, nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, tăng lợi nhuận và giảm sự chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế.

Thứ nhất, các khoản chi phí phải được Giám đốc phê duyệt và khi phát sinh phải có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ.

Thứ hai, công ty nên quy định mức chi trong một vài trường hợp cụ thể, ví dụ như chi phí tiếp khách, hội nghị; chi phí quảng cáo, khuyến mại; công tác phí... Các khoản chi phí này nếu chi vượt mức quy định thì phải yêu cầu nhân viên chi bù.

Đối với các chi phí như điện, điện thoại cần có biện pháp để tránh lãng phí trong việc sử dụng (ví dụ nên bật điều hòa từ lúc 9h sáng và tắt trước khi ra về 45

phút, theo dõi chặt chẽ các số điện thoại không phải gọi cho đối tác kinh doanh, tránh tình trạng sử dụng cho mục đích riêng của nhân viên).

Thứ ba, công ty nên thực hiện những cuộc vận động tiết kiệm chi phí đến từng bộ phận, từng cán bộ, nhân viên, có chế độ khen thưởng, xử phạt để khuyến khích các nhân viên thực hiện một cách nghiêm túc.

Thứ tư, nâng cao ý thức làm việc cũng như tuân thủ pháp luật của ban lãnh đạo và các nhân viên trong công ty, tránh việc vi phạm các quy định về hành chính, vi phạm hợp đồng làm phát sinh các khoản chi phí không hợp lý, tạo ra sự chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế.

## KẾT LUẬN

Luật thuế GTGT và thuế TNDN ra đời và ngày càng khẳng định vị trí, tầm quan trọng trong đời sống kinh tế xã hội. Nhưng để Luật thuế GTGT và thuế TNDN được áp dụng một cách sâu rộng và đồng bộ thì cần phải có công cụ đắc lực trợ giúp, công cụ không thiếu đó là kế toán thuế.

Nhận thức được phần nào tầm quan trọng đó của thuế GTGT và thuế TNDN. Công ty TNHH Công Nghệ Tin Học Minh Khôi đã đưa vào áp dụng ngay các hóa đơn, chứng từ liên quan đến thuế GTGT và thuế TNDN tại Công ty phần lớn đều hợp lý, hợp lệ và xử lý linh hoạt. Từ đó các tờ khai thuế GTGT, thuế TNDN, các Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra được lập và gửi đến cơ quan thuế đầy đủ và đúng thời hạn. Tuy vậy do nhiều nguyên nhân khách quan (Như chế độ, chính sách hiện hành, phần mềm kế toán ứng dụng) và chủ quan (Như việc tổ chức phòng kế toán chưa thỏa đáng) mà công tác kế toán tại Công ty còn có những vướng mắc. Trên cơ sở lý luận cộng những kiến thức thực tế của mình em xin mạnh dạn đưa ra một số giải pháp đề ra mà Công ty có thể xem xét.

Với một vấn đề còn vướng mắc và phức tạp trong khi vốn kinh nghiệm của em còn ít ỏi, nhận thức còn hạn chế, thời gian thực tập không nhiều nên tránh khỏi những khiếm khuyết trong chuyên đề thực tập này. Em rất mong được sự góp ý kiến của thầy cô giáo.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn nhiệt tình của kế toán trưởng, sự đóng góp ý kiến của các nhân viên trong phòng Tài chính – Kế toán đã giúp em hoàn thành chuyên đề thực tập tốt nghiệp này.



Công ty TNHH Công Nghệ Tin

Mẫu số 01-TT

Học Minh Khôi

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ

Địa chỉ: 121 Lý Thường Kiệt P6

BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng

CM

BTC

**NHẬT KÝ SỔ CÁI**

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
	006	02/10	Mua một TSCĐ hữu hình sử dụng ở bộ phận bán hàng	211 311	10.000.000	10.000.000
	17	05/10	Mua một TSCĐ hữu hình sử dụng bộ phận quản lý DN	211 331	15.000.000	15.000.000
	18	09/10	Mua một bộ máy tính sử dụng bộ phận văn phòng	211 112	14.000.000	14.000.000
		12/11	Mua quyền sử dụng đất	211 112	16.000.000	16.000.000
	24	13/11	Nhập kho hàng hóa E	156 331	11.000.000	11.000.000
		22/11	Chuyển khoản mua 1 xe hơi	211 112	9.000.000	9.000.000
		24/12	Mua một bộ máy tính	211 112	9.000.000	9.000.000
		29/12	Nhập hóa đơn của Công ty Thiên Long	151 331	61.721.700	61.721.700

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

### 1. Các trích dẫn:

- [1] <Tập thể tác giả>, Thuế, NXB Tài chính, năm 2009
  - [2] <Tập thể tác giả>, Thuế, NXB Tài chính, năm 2009
  - [3] <Tập thể tác giả>, Thuế, NXB Tài chính, năm 2009
  - [4] <Tập thể tác giả>, Thuế, NXB Tài chính, năm 2009
  - [5] <Tập thể tác giả>, Thuế, NXB Tài chính, năm 2009
  - [6] <Tập thể tác giả>, Thuế, NXB Tài chính, năm 2009
  - [7] <Tập thể tác giả>, Thuế, NXB Tài chính, năm 2009
  - [8] <Tập thể tác giả>, Thuế, NXB Tài chính, năm 2009
  - [9] <Tập thể tác giả>, Thuế, NXB Tài chính, năm 2009
  - [10] <Tập thể tác giả>, Thuế, NXB Tài chính, năm 2009
  - [11] <Tập thể tác giả>, Thuế, NXB Tài chính, năm 2009
  - [12] <Tập thể tác giả>, Thuế, NXB Tài chính, năm 2009
  - [13] <TS Trần Phước>, Kế toán tài chính doanh nghiệp phần 2, NXB Thống kê, năm 2008
  - [14] <TS Trần Phước>, Kế toán tài chính doanh nghiệp phần 2, NXB Thống kê, năm 2008
  - [15] <TS Trần Phước>, Kế toán tài chính doanh nghiệp phần 2, NXB Thống kê, năm 2008
2. <TS Trần Phước>, Kế toán tài chính doanh nghiệp phần 1, NXB Thống kê, năm 2008
3. Chứng từ, sổ sách của công ty TNHH Thương mại Tiến Đạt
4. Luật thuế GTGT, Luật thuế TNDN
5. Thông tư 129/2008/TT-BTC, Thông tư 130/2008/TT-BTC của Bộ tài chính
6. Website tham khảo:
- <http://www.google.com.vn/>
  - <http://www.tailieu.vn/>
  - <http://www.tapchiketoan.com.vn/>